

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

TRẦN ĐÌNH THỤ

LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TRẦN ĐÌNH THỤ

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG
QUAN TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ TẠI CỤC HẢI QUAN
TP HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN NGỌC ĐIỆN

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả phân tích được nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong nội dung luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018

Tác giả

Trần Đình Thụ

LỜI CẢM ƠN

Đề tài được hoàn thành nhờ sự tận tâm truyền đạt kiến thức của các Thầy, Cô tại Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng. Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban lãnh đạo Chi cục Kiểm tra sau thông quan-Cục Hải quan Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận văn. Xin trân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện để tôi hoàn thành đề tài này; đặc biệt xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình của Thầy giáo hướng dẫn TS. Nguyễn Ngọc Điện đã chỉ bảo, định hướng và dìu dắt tôi trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài. Tôi gửi lời tới gia đình tôi đã luôn ủng hộ, động viên tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thiện luận văn này.

Với thái độ làm việc nghiêm túc, với nhiều nỗ lực và cố gắng trong tìm tòi, nghiên cứu nhưng vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những đóng góp ý kiến từ quý thầy cô và bạn đọc.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	II
MỤC LỤC.....	III
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	VI
DANH MỤC CÁC BẢNG – BIỂU ĐỒ	VII
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn.....	6
7. Kết cấu của luận văn	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ HẢI QUAN.....	7
1.1 Một số khái niệm cơ bản	7
1.1.1 Khái niệm về kiểm tra sau thông quan.....	7
1.1.2 Khái niệm trị giá hải quan.....	9
1.1.3 Khái niệm kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan	11
1.1.4 Vai trò của kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan	12
1.2 Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan.....	14
1.2.1 Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá Hải quan.....	14
1.2.2. Các kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng trong kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan	21
1.2.3 Quy trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan	30
1.3. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan	33
1.3.1 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Quảng Ninh	33
1.3.2 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Đà Nẵng	33
1.3.3 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh	34
1.3.4 Bài học kinh nghiệm cho Cục Hải quan Hải Phòng.....	34
Tóm tắt chương 1.....	36

CHƯƠNG 2:	37
THỰC TRẠNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VỀ TRỊ GIÁ TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG	37
2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Cục Hải quan Hải Phòng.	37
2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển	37
2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan Hải Phòng	38
2.1.3 Đội ngũ cán bộ, viên chức	39
2.1.4 Một số kết quả đã đạt được của Cục Hải quan Hải Phòng	41
2.2 Giới thiệu về Chi cục KTSTQ – Cục Hải quan Hải Phòng	45
2.2.1 Lịch sử hình thành phát triển	45
2.2.2 Cơ cấu tổ chức	47
2.2.3 Chức năng nhiệm vụ của Chi cục	48
2.3 Thực trạng kiểm tra sau thông quan về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.	49
2.3.1 Thực trạng về đội ngũ cán bộ kiểm tra sau thông quan tại Chi cục	49
2.3.2 Thực trạng triển khai công tác KTSTQ trong lĩnh vực trị giá	52
2.3.3 Kết quả đạt được của công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng	566
2.4 Đánh giá chung về công tác KTST về TGHQ tại Chi cục	643
2.4.1 Điểm mạnh	643
2.4.2 Điểm yếu	654
2.4.3 Nguyên nhân	654
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG	71
_Toc528600961	
3.1.1 Các cam kết quốc tế ảnh hưởng đến công tác KTSTQ về TGHQ	71
3.1.2. Phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn tới	72
3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra sau thông quan về giá trị Hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng	743
3.2.1. Tăng cường mạnh mẽ về chất lượng cán bộ KTSTQ, đặc biệt là cán bộ KTSTQ về trị giá hải quan	743

3.2.2. Có kế hoạch nâng cấp, kiện toàn hệ thống thông tin dữ liệu về trị giá hải quan để hỗ trợ kịp thời cho việc thực hiện quy trình KTSTQ về TGHQ	776
3.2.3. Tăng cường phối hợp công tác giữa lực lượng KTSTQ về TGHQ với các lực lượng trong và ngoài Ngành Hải quan.....	809_Toc528600968
KẾT LUẬN.....	898

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AFTA	: Khu vực mậu dịch tự do
ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
APEC	: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
DN	: Doanh nghiệp
ECUS	: Phần mềm khai Hải quan điện tử
EU	: Liên minh Châu Âu
FDI	: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
HQ	: Hải quan
KT	: Kiểm tra
KTSTQ	: Kiểm tra sau thông quan
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
QLRR	: Quản lý rủi ro
TGHQ	: Trị giá hải quan
UNCTAD	: Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp quốc
USD	: Đôla Mỹ
VNACCS	: Hệ thống thông quan tự động
VCIS	: Hệ thống thông tin tình báo Hải quan
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới
WCO	: Tổ chức Hải quan Thế giới
XNK	: Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC BẢNG – BIỂU ĐỒ

Bảng 2. 1: Tình hình nhân sự của Cục Hải Quan Hải Phòng	40
Bảng 2. 2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm.....	41
Bảng 2. 3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Cục Hải quan Hải Phòng	43
Bảng 2. 4: Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước.....	44
Bảng 2. 5: Số lượng cán bộ kiểm tra sau thông quan	49
Bảng 2. 6: Số lượng cuộc KTSTQ và KTSTQ về TGHQ	56
Bảng 2. 7: Số thu NSNN từ KTSTQ và KTSTQ về trị giá	58
Bảng 2. 8: Số thu NSNN trên mỗi cuộc kiểm tra	59
Bảng 2. 7: Kết quả đánh giá doanh nghiệp tuân thủ pháp luật HQ	60
Biểu đồ 1. 1: Lưu đồ quy trình KTSTQ	31
Biểu đồ 2. 1: Thu nộp ngân sách nhà nước (giai đoạn 2013 – 2017)	45
Biểu đồ 2. 2: Công chức Hải quan và công chức KTSTQ tại Cục	50
Biểu đồ 2. 4: Số thu NSNN từ KTSTQ và KTSTQ về trị giá	57

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động không nhỏ tới lượng hàng hóa xuất nhập khẩu (XNK) của các quốc gia. Đặc biệt, cam kết về “*Trị giá Hải quan*” trong công tác kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) khi gia nhập WTO đã hướng đến giá trị thực của hàng hóa, hạn chế và từng bước kiểm soát hành vi gian lận, trốn thuế qua giá. Vấn đề đặt ra với quản lý Hải quan là phải cân bằng giữa chức năng kiểm soát và chức năng tạo thuận lợi cho thương mại. Do đó, một trong những nội dung cải cách hoạt động Hải quan được nhiều nước quan tâm là áp dụng hệ thống kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) vào quá trình quản lý hàng hóa XNK nhằm rút ngắn thời gian thông quan bằng việc miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

“*Kiểm tra sau thông quan* là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện *sau khi hàng hóa đã được thông quan*”[13]

Công tác kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, chung thực các chứng từ, hồ sơ mà người khai báo hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý NKK của người khai hải quan.

Việc áp dụng KTSTQ giúp cơ quan Hải quan đạt được những mục tiêu của cải cách hiện đại hóa như: đảm bảo sự cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại với kiểm soát chặt chẽ quá trình tuân thủ pháp luật; giúp cho công tác quản lý không bị dàn trải, giảm bớt áp lực về khối lượng công việc thông qua việc xác định đối tượng có rủi ro cao, ưu tiên tập trung nguồn lực vào quản lý đối với số đối tượng này; giảm thiểu các thủ tục hành chính. KTSTQ cho

phép Hải quan tập trung nguồn kiểm soát các đối tượng có mức rủi ro cao nhằm tạo điều kiện cho hàng hóa thông quan nhanh đồng thời thực thi được chức năng kiểm soát hiệu quả của Nhà nước.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động xuất nhập khẩu, một số doanh nghiệp đã lợi dụng chính sách thông thoáng trên để gian lận trốn thuế, khai báo trị giá hàng nhập khẩu không đúng với thực tế phải thanh toán cho đối tác. Do đó công tác KTSTQ nói chung và KTSTQ trong lĩnh vực trị giá nói riêng là hết sức quan trọng, đảm bảo cân bằng giữa việc tạo điều kiện thông quan nhanh chóng cho doanh nghiệp và kiểm soát được những hành vi gian lận, đặc biệt là gian lận trong lĩnh vực trị giá hàng hóa nhập khẩu nhằm hạn chế tối đa thất thu thuế cho ngân sách nhà nước.

Trong những năm gần đây, Cục Hải quan Hải Phòng đã áp dụng hệ thống KTSTQ về trị giá vào công tác nghiệp vụ. Tuy nhiên, thực tế triển khai hệ thống KTSTQ về trị giá còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, hiệu quả áp dụng chưa cao... Để triển khai hệ thống KTSTQ về trị giá vào hoạt động nghiệp vụ Hải quan đạt được hiệu quả cao, cần nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực này. Xuất phát từ thực tế trên, việc chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác Kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải quan TP Hải Phòng”*** để nghiên cứu là hết sức cần thiết.

2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Có khá nhiều đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan về trị giá đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trương Thế Hùng (2016) đã hệ thống hoá, phân tích, so sánh các cơ chế, chính sách liên quan đến xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành " *Hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Việt Nam*"[9].

Lê Thành Phong (2017) với đề tài " *Nâng cao hiệu quả công tác xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hiệp định Trị giá Hải quan*", đã đánh

giá thực trạng công tác xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hiệp định Trị giá Hải quan tại Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2017 nhằm nâng cao hiệu quả công tác xác định trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu, thực hiện áp dụng đầy đủ Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO tại Việt Nam trong lâu dài, tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đảm bảo sự công bằng và hiệu quả kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp, đẩy mạnh giao lưu thương mại Quốc tế[12].

Bài viết: “*Thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam trong xu thế hội nhập và tự do hóa thương mại Quốc tế*”, của Nguyễn Thị Thanh Hoài (2015) đã chỉ rõ: Để quản lý được các hoạt động mua bán với các nước, nhà nước đã có nhiều biện pháp, trong đó thuế xuất nhập khẩu là một trong những công cụ chủ yếu. Thông qua việc ban hành và thực thi chính sách thuế xuất nhập khẩu, chúng ta có thể nắm đủ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa, tạo điều kiện cho nhà nước có căn cứ đề ra chính sách ngoại thương đúng đắn, cân đối cung, cầu hàng hóa nhập khẩu và cân bằng cán cân thanh toán[8].

Lê Thị Ánh Tuyết (2016) với bài viết: “*Giải pháp nâng cao chất lượng thực thi hiệp định trị giá wto tại Việt Nam*” đã đánh giá thực trạng công tác xác định Trị giá Hải quan Việt Nam nhằm đề xuất các nhóm giải pháp để có thể nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định trị giá WTO, đảm bảo nguồn thu Hải quan của Việt Nam[20].

Ngoài ra, các luận án thạc sĩ, các bài báo, bài viết được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành, các bài hội thảo khoa học có liên quan như: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học Viện: Đề tài khoa học “*Kiểm tra trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu*”, (năm 2012) của Th.s Nguyễn Thị Lan Hương – Th.s Phạm Thị Bích Ngọc, Học viện Tài chính; “*Các giải pháp chống thất thu thuế Nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế năm (2012)*”, TS Vương Thu Hiền, Học viện Tài chính. Luận văn thạc sĩ kinh tế “*Quản lý giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở*

Việt Nam hiện nay” (năm 2011) của tác giả Mai Thị Vân Anh, Học viện Tài chính; Luận văn thạc sĩ luật học “*Trị giá hải quan của WTO, thực trạng và áp dụng tại Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” (năm 2012) của tác giả Đào Ngọc Thành; “*Quản lý giá tính thuế hàng hóa tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị*” (năm 2012) của tác giả Đinh Ngọc Thanh;..

Các nghiên cứu trên đã đánh giá tầm quan trọng, phân tích trên khía cạnh Luật pháp hoặc đề cập đến các khía cạnh kỹ thuật một cách chung nhất về công tác KTSTQ về trị giá. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu đánh giá thực trạng công tác Kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải quan TP Hải Phòng nhằm hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế phù hợp với thực tiễn tại địa phương và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Luận văn tập trung nghiên cứu, làm rõ một số nội dung lý luận về công tác KTSTQ về trị giá, đánh giá thực trạng công tác công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.

Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải Quan Hải Phòng.
- Đánh giá thực trạng công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng trong giai đoạn 2013 - 2017.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của Luận văn là công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Phân tích, đánh giá thực trạng từ năm 2013 đến 2017. Đề xuất mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn 2018 - 2020.

Phạm vi không gian: KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu các vấn đề liên quan đến áp dụng KTSTQ về trị giá của Hải quan.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học quản trị như tổng hợp, phân tích dựa trên số liệu thống kê và các công trình tổng kết thực tiễn đã được công bố, cụ thể:

Đối với mục tiêu thứ nhất:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: là phương pháp tìm kiếm những tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu bao gồm các loại tạp chí và báo cáo khoa học, tác phẩm khoa học trong ngành, giáo trình, mạng internet và các luận án, luận văn.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Là phương pháp sử dụng các nguồn tài liệu đã thu thập để tìm ra những quan điểm, luận điểm liên quan đến chủ đề nghiên cứu, phân tích và tổng hợp lại để hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

Đối với mục tiêu thứ hai:

- Phương pháp thu thập thông tin và số liệu: Sử dụng số liệu thứ cấp, số liệu và thông tin được tập hợp từ báo cáo hoạt động xuất nhập khẩu của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2013 - 2017;

- Phương pháp xử lý số liệu: phần mềm Ms EXCEL.

- Phương pháp thống kê mô tả: được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được qua các bảng.

- Phương pháp phân tích dữ liệu chuỗi thời gian: được dùng để làm công tác dự báo và kiểm tra các giả thiết kinh tế. Các sự kiện quan sát được sắp xếp theo trình tự thời gian để rút ra quy luật, so sánh, kết luận.

6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn

- Góp phần làm rõ thêm một số nội dung lý luận về công tác KTSTQ về trị giá tại hải quan;
- Khái quát một số kinh nghiệm KTSTQ về trị giá của Hải quan;
- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng. Làm rõ phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác KTSTQ về trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về Kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá hải quan.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1.1 Một số khái niệm cơ bản

1.1.1 Khái niệm về kiểm tra sau thông quan

Kiểm tra sau thông quan là một nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã thông quan. Nghiệp vụ này được hình thành và phát triển cùng với việc hình thành và phát triển của khoa học về quản lý rủi ro và được hầu hết các nước, vùng lãnh thổ thuộc Tổ chức hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) áp dụng.

Kiểm tra sau thông quan không phải là một lĩnh vực khoa học riêng rẽ, độc lập, mà là hoạt động nghiệp vụ được gắn kết trong tổng thể mối quan hệ của toàn bộ hoạt động kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi thương mại nhằm kiểm tra tính chính xác và trung thực các thông tin do các đối tượng có hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu đã khai báo với cơ quan Hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, chứng từ ngân hàng, chứng từ kế toán...có liên quan đến hàng hoá xuất, nhập khẩu. Hay nói một cách khác, kiểm tra sau thông quan là sự đối soát giữa nguồn thông tin do chủ hàng khai báo trên bộ hồ sơ hải quan với nguồn thông tin do công chức hải quan thu thập từ các chứng từ thương mại, chứng từ ngân hàng, chứng từ kế toán...theo qui định của pháp luật. Do vậy, đa phần các nước gọi nghiệp vụ này là “Kiểm toán sau thông quan” (Post Clearance Audit - PCA) hoặc “Kiểm toán hải quan” (Customs Audit - CA), Theo đó, phạm vi kiểm tra sau thông quan xét về mặt nguyên tắc không chỉ bó hẹp trong các trường hợp khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan mà cơ quan hải quan có quyền kiểm tra đối với tất cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan.

Kiểm tra sau thông quan là kiểm tra sâu đối với hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan. Kiểm tra sau thông quan có thể thực hiện tại trụ sở Hải quan cũng có thể thực hiện tại trụ sở doanh nghiệp tùy theo nội dung và yêu cầu của việc kiểm tra sau thông quan. Kiểm tra sau thông quan nhằm làm rõ những nghi vấn về sự không phù hợp giữa hồ sơ hải quan mà doanh nghiệp đã kê khai với tình hình thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung hay đối tượng của kiểm tra sau thông quan bao gồm nhiều lĩnh vực nghiệp vụ chuyên sâu như kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực mã số hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu; kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa; kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực gia công, sản xuất- xuất khẩu; kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực ưu đãi đầu tư; kiểm tra sau thông quan chính sách mặt hàng và kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá. Có thể nói rằng, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là nội dung then chốt, là lĩnh vực quan trọng nhất của kiểm tra sau thông quan. Chính vì vậy, kiểm tra xác định tính chính xác tính trung thực trong khai báo về trị giá hải quan là nội dung cốt yếu và quan trọng nhất trong toàn bộ nội dung của công tác kiểm tra sau thông quan.

Kiểm tra sau thông quan ở các nước có thể có sự khác nhau về tên gọi hoặc hình thức tổ chức kiểm tra nhưng đều giống nhau ở chỗ là chức năng nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận thương mại qua trị giá hải quan. Theo khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), một hệ thống kiểm tra sau thông quan đủ mạnh phải có khả năng ngăn chặn và phát hiện gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận qua trị giá hải quan, cho dù trị giá hàng hóa nhập khẩu được xác định theo bất cứ phương pháp nào. Do tất cả mọi chi phí hoạt động thực tế có liên quan đến giao dịch thương mại quốc tế đều phải được phản ánh đầy đủ vào trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nên mục đích của việc kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là phải tìm được tất cả các chi phí có liên quan đến

hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã xảy ra trong thực tế, làm căn cứ để kiểm tra mức độ chính xác, trung thực của trị giá hải quan đã khai báo.

Theo luật Hải quan 2014 thì: “Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện *sau khi hàng hóa đã được thông quan*”[13].

Công tác KTSTQ nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các hồ sơ, chứng từ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan Hải quan; đồng thời đánh giá việc tuân thủ pháp luật Hải quan cũng như các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

1.1.2 Khái niệm trị giá hải quan

Trong xu thế hội nhập và giao lưu thương mại toàn cầu, những yếu tố cơ bản của hệ thống thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu, trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa đã trở thành những nội dung quan trọng trong thỏa thuận về thuế quan và thương mại giữa các quốc gia với nhau. Ngay từ đầu thế kỷ XX, việc xây dựng một hệ thống các phương pháp xác định trị giá hải quan minh bạch, có thể áp dụng thống nhất trên phạm vi thế giới đã được đặt ra như một yêu cầu tất yếu.

Trên thế giới, trị giá hải quan hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu thường được nhắc đến với tên gọi là trị giá tính thuế hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và được xác định theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào quy định luật pháp của mỗi quốc gia. Có thể nói từ trước đến nay đã có khá nhiều quan niệm về trị giá hải quan và cách áp dụng các phương pháp khác nhau về xác định trị giá hải quan. Một số quan niệm về trị giá hải quan như sau:

Theo các chuyên gia hải quan Nhật Bản, thì trị giá hải quan là chỉ số thể hiện giá trị của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới, ra hoặc vào lãnh

thổ hải quan, để phục vụ cho mục đích quản lý nhà nước về hải quan của cơ quan hải quan theo từng thời kỳ.

Cũng có quan niệm cho rằng: Trị giá hải quan là trị giá của hàng hóa dùng để tính thuế hải quan theo giá trị của hàng hóa được xác định bằng cách lấy số lượng từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan nhân với giá tính thuế đơn vị của mặt hàng đó[5]. Trị giá hải quan là giá thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hay trị giá hải quan là trị giá của hàng hoá để đánh thuế hải quan theo giá trị của hàng hoá đó[5]. Trị giá hải quan là trị giá phục vụ cho mục đích tính thuế hải quan và thống kê hải quan[5].

Theo Hiệp định trị giá GATT/WTO 1994: Trị giá hải quan là trị giá giao dịch thực tế của hàng hóa nhập khẩu và Hiệp định đã đưa ra sáu phương pháp xác định trị giá hải quan. Theo đó, trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán (the price actually paid or payable) cho hàng hóa được bán để xuất khẩu đến nước nhập khẩu và trong phạm vi lớn nhất có thể thì đó chính là trị giá giao dịch hay một trị giá được tính toán gần sát nhất với trị giá giao dịch của hàng hóa đó[19].

Trị giá hải quan bao gồm trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu và trị giá Hải quan hàng hóa nhập khẩu, sử dụng cho các mục đích quản lý Nhà nước về hải quan. Trị giá hải quan là phần số liệu về trị giá của hàng hoá được đưa ra hoặc đưa vào lãnh thổ hải quan do cơ quan hải quan quản lý và toàn bộ các chi phí phát sinh trong suốt quá trình giao dịch và cấu thành vào giá trị của hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu. Do đó, tất cả mọi chi phí hoạt động thực tế có liên quan đến giao dịch thương mại quốc tế đều phải được phản ánh đầy đủ trong trị giá hải quan.

Trị giá hải quan là trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho mục đích tính thuế, thống kê hải quan[13].

Như vậy: *Trị giá hải quan là trị giá giao dịch thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới, ra hoặc vào lãnh thổ hải quan, dùng cho việc quản lý Nhà Nước về hải quan, trong đó chủ yếu là sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.*

1.1.3 Khái niệm kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

Khi nói đến khái niệm kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan cũng là nói đến khái niệm gắn liền với kiểm tra sau thông quan. Từ những khái niệm về kiểm tra sau thông quan và trị giá hải quan đã nêu ở trên, ta có thể thấy rằng:

“Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là hoạt động của cơ quan hải quan kiểm tra sâu đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã thông quan nhằm:

a) Kiểm tra tính chính xác, trung thực về nội dung của người khai hải quan đã khai báo với cơ quan hải quan về trị giá hải quan của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan;

b) Thảm định việc tuân thủ pháp luật về khai báo trị giá hải quan của người khai hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.”

Với những nội dung như nói ở trên, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan còn được gọi bằng một thuật ngữ chuyên môn là kiểm tra trên cơ sở kiểm toán. KTSTQ về TGHQ là một trong những khâu nghiệp vụ cuối cùng trong quy trình thủ tục hải quan của cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nghiệp vụ này được hình thành và phát triển trên nền tảng khoa học quản lý rủi ro và được hầu hết các nước thuộc WCO và WTO áp dụng.

1.1.4 Vai trò của kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

Là khâu quan trọng trong quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là một khâu công tác hết sức quan trọng trong quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Nó thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với việc thông quan hàng hóa, phù hợp với yêu cầu mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế đặc biệt trong cơ chế người xuất khẩu, nhập khẩu tự tính, tự khai, tự nộp thuế thì khâu kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là việc rất quan trọng vì: không kiểm tra coi như không quản lý; có kiểm tra mới biết xuất nhập khẩu có thực hiện và có thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về khai báo hải quan, tuân thủ pháp luật hải quan hay không. Mặt khác, qua kiểm tra mới phát hiện những điểm quy định chưa phù hợp hoặc thực hiện chưa thật đúng về khai báo hải quan, giúp cho việc bổ sung sửa đổi những quy định và chấn chỉnh trong việc thực hiện. Cụ thể: KTSTQ về trị giá hải quan góp phần khắc phục những hạn chế của chính sách quản lý giá tính thuế, chính sách quản lý mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu, giúp cho cơ quan nhà nước xây dựng được các chính sách mặt hàng phù hợp với mức thuế suất hợp lý, đáp ứng mô hình quản lý trị giá hải quan hiện đại theo xu hướng của thế giới.

Góp phần chống thất thu thuế, hạn chế gian lận thương mại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Có thể nói, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là công cụ hữu hiệu trong việc nâng cao khả năng quản lý của cơ quan hải quan, ngăn chặn các gian lận thương mại, đảm bảo nguồn thu thuế hải quan cho Ngân sách nhà nước.

Đối với một số nước đang phát triển, nguồn thu từ thuế nhập khẩu là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống thuế quốc gia, góp một tỷ lệ không nhỏ trong ngân sách Nhà nước. Qua kiểm tra sau thông quan về trị giá

hải quan sẽ truy thu được các khoản thuế đã thất thoát, góp phần không nhỏ trong việc chống thất thu thuế .

Bên cạnh đó, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để phát hiện gian lận về trị giá hải quan, và những lỗi vi phạm có thể xảy ra khi doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Do vậy, đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, sẽ góp phần hạn chế được tình trạng các doanh nghiệp cố tình khai sai trị giá nhằm mục đích trốn thuế, vì thế mà gian lận qua trị giá được hạn chế dần.

Nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, bảo đảm sự công bằng bình đẳng của người kinh doanh xuất nhập khẩu trước pháp luật. Thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển.

Kể từ khi Việt Nam áp dụng Hiệp định Trị giá GATT thì việc xác định trị giá tính thuế là thuộc về phía doanh nghiệp, cơ quan hải quan chỉ tiến hành kiểm tra trên cơ sở khai báo của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền tự khai, tự tính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình, tạo điều kiện minh bạch hóa chính sách, giảm thiểu thủ tục hành chính. Do đó việc kiểm tra trị giá hải quan trong quá trình thông quan cũng như quá trình sau thông quan đã quản lý được sự tuân thủ của doanh nghiệp trong khai báo, nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp, góp phần đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả pháp luật hải quan và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là công cụ văn minh, hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế

Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan đảm bảo hàng hóa thông quan nhanh chóng với yêu cầu của hoạt động thương mại, tạo phạm vi kiểm tra rất rộng góp phần hạn chế bỏ sót, hạn chế gian lận về trị giá thông qua việc ứng dụng có tính phối hợp và vận dụng kết quả quản lý rủi ro. Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan yêu cầu phải tăng cường chỉ đạo, nâng cao trình

độ và kiến thức cho công chức hải quan về cả chiều rộng và chiều sâu, KTSTQ về TGHQ đòi hỏi phải tích lũy cả những kinh nghiệm và ngân hàng các dữ liệu luôn được cập nhật một cách đa dạng, phong phú, đòi hỏi phải được trang bị các phương tiện hiện đại và khả năng làm việc chuyên nghiệp. Kết quả KTSTQ về TGHQ là nguồn cung cấp quan trọng những thông tin về doanh nghiệp và người khai hải quan, để xây dựng cơ sở dữ liệu về người xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ công tác quản lý hải quan theo phương pháp kỹ thuật quản lý rủi ro....Đó vừa là động lực vừa là mục tiêu để tiến tới hiện đại hóa công tác hải quan.

1.2 Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

1.2.1 Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá Hải quan

1.2.1.1 Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Nguyên tắc: Trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F), được xác định bằng cách áp dụng tuân tự các phương pháp xác định trị giá hải quan và dừng ngay tại phương pháp xác định được trị giá hải quan[3]:

Phương pháp xác định:

- a) Phương pháp giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất: ;
- b) Trường hợp không xác định được trị giá hải quan theo quy định tại điểm a khoản này, trị giá hải quan là trị giá của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trong cơ sở dữ liệu trị giá tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của hàng hóa đang xác định trị giá, sau khi quy đổi về giá bán tính đến cửa khẩu xuất. Trường hợp tại cùng thời điểm xác định được từ hai trị giá của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trở lên thì trị giá hải quan là trị giá của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự thấp nhất.

1.2.2.2 Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Nguyên tắc: Trị giá hải quan là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 2 Điều này[1].

Phương pháp xác định: Giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định bằng cách áp dụng tuần tự các phương pháp xác định trị giá hải quan: (1) Phương pháp giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất; (2) Phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; (3) Phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam; (4) Phương pháp trị giá khấu trừ; (5) Phương pháp trị giá tính toán; (6) Phương pháp suy luận và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá hải quan[1].

Trong Hiệp định trị giá GATT/WTO đưa ra 6 phương pháp khác nhau được xếp theo thứ tự cho việc xác định trị giá hải quan, đó là:

Phương pháp 1: Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu.

Phương pháp 2: Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt.

Phương pháp 3: Phương pháp trị giá giao dịch đối với hàng hoá nhập khẩu tương tự.

Phương pháp 4: Phương pháp trị giá khấu trừ.

Phương pháp 5: Phương pháp trị giá tính toán.

Phương pháp 6: Phương pháp dự phòng (phương pháp suy luận).

Hiệp định cũng chỉ ra rằng không một nhà nhập khẩu hoặc một cơ quan quản lý nào có quyền lựa chọn tùy tiện phương pháp xác định giá mà đều phải tuân thủ theo đúng trình tự đã sắp xếp nói trên. Nói cách khác là để xác định trị giá hàng hoá nhập khẩu, người ta sẽ phải bắt đầu áp dụng theo thứ tự từ phương pháp đầu tiên” Trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu” và chỉ khi

vì một lý do nào đó mà phương pháp này không thể áp dụng được thì người ta mới áp dụng phương pháp thứ hai và nếu phương pháp thứ hai không áp dụng được thì sẽ phải lần lượt áp dụng phương pháp ba và tiếp tục theo trình tự cho đến phương pháp cuối cùng để xác định được trị giá hải quan. Nguyên tắc này chỉ ngoại lệ đối với phương pháp thứ tư "Phương pháp trị giá khấu trừ" và phương pháp thứ năm "Phương pháp trị giá tính toán" và chỉ có 2 phương pháp này có thể thay đổi trật tự cho nhau. Sỡ dĩ có thể hoán đổi thứ tự giữa phương pháp thứ tư và phương pháp thứ năm là vì việc tính toán, xác định trị giá tính thuế theo hai phương pháp này hầu hết dựa vào các tài liệu, số liệu, bằng chứng của doanh nghiệp. Khi đó, chính doanh nghiệp là người biết rõ nhất có thể xác định trị giá theo phương pháp nào trong số hai phương pháp đó, để đề nghị cơ quan Hải quan áp dụng phương pháp thích hợp.

(1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu, là phương pháp đầu tiên, cơ bản, được áp dụng cho hầu hết các trường hợp hàng hoá nhập khẩu. Phương pháp này được quy định trong Điều 1 của Hiệp định, là:

Trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu là trị giá giao dịch, đó là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho những hàng hoá được bán để xuất khẩu đến nước nhập khẩu, được điều chỉnh theo các quy định của Điều 8, với điều kiện là:

(*) Người mua không bị hạn chế về chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hoá, ngoại trừ các hạn chế do luật pháp hay các cơ quan có thẩm quyền tại nước nhập khẩu áp đặt, hoặc yêu cầu; về khu vực địa lý tại đó hàng hoá có thể được bán lại; hoặc hạn chế không ảnh hưởng đáng kể đến trị giá của hàng hoá.

(*) Hoạt động bán hàng, hay giá cả, không phụ thuộc vào một số điều kiện mà từ đó người ta không thể xác định được trị giá của những hàng hoá cần được xác định trị giá.

(*) Sau khi tiếp tục bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng nhập khẩu, người nhập khẩu không phải chuyển bất cứ một khoản tiền nào từ doanh thu đạt được, dù trực tiếp hay gián tiếp, cho người bán, trừ khi khoản đó thuộc khoản điều chỉnh phù hợp với các quy định của điều 8;

(*) Người mua và người bán không có quan hệ đặc biệt với nhau, hoặc trong trường hợp người mua và người bán có quan hệ đặc biệt thì trị giá giao dịch được chấp nhận là trị giá hải quan khi người nhập khẩu chứng minh được trị giá đó xấp xỉ gần với một trị giá kiểm tra, xác định bằng một trong năm phương pháp đầu tiên đối với hàng hóa giống hệt hay tương tự với hàng nhập khẩu.

Các khoản điều chỉnh của điều 8 bao gồm các khoản phải cộng vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán của hàng hoá nhập khẩu. Đó là những chi phí mà người mua phải gánh chịu nhưng chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho hàng hoá nhập khẩu như:

- + Chi phí hoa hồng và môi giới, trừ hoa hồng mua hàng;
- + Chi phí về thùng chứa hàng được coi là đồng nhất với hàng hoá đang được xác định trị giá, nhằm phục vụ các hoạt động của Hải quan;
- + Chi phí đóng gói, kể cả chi phí vật liệu và chi phí nhân công.
- + Trị giá, được phân bổ thích hợp, của các khoản trợ giúp là những hàng hoá và dịch vụ do người mua cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, miễn phí hoặc giảm giá, để sử dụng trong sản xuất và bán để xuất khẩu các hàng hoá nhập khẩu đó, nhưng chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán.

+ Tiền bản quyền và phí giấy phép liên quan đến hàng hoá đang được xác định trị giá do người mua phải trả, trực tiếp hoặc gián tiếp, như một điều kiện cho giao dịch bán hàng hoá đang được xác định trị giá, trong phạm vi các chi phí này chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán;

+ Trị giá của bất cứ khoản nào được chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho người bán, trích từ doanh thu đạt được sau khi bán hàng nhập khẩu được bán lại, được chuyển nhượng hoặc sử dụng.

+ Chi phí vận tải hàng nhập khẩu tới cảng hoặc địa điểm nhập khẩu;

+ Chi phí bốc hàng lên phương tiện vận tải, dỡ hàng khỏi phương tiện vận tải và các chi phí làm hàng liên quan đến vận chuyển hàng nhập khẩu tới cảng hoặc địa điểm nhập khẩu.

+ Chi phí bảo hiểm.

Ngoài ra, trong phương pháp xác định trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu, cần quan tâm đến những khía cạnh khác nhau của các giao dịch ngoại thương như khuyến mại giảm giá, thanh toán bù trừ, tín dụng tài chính.

(2) Phương pháp xác định trị giá hải quan thứ hai được áp dụng nếu không thể áp dụng được phương pháp thứ nhất, là phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt. Theo Điều 2 của Hiệp định, “Nếu trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu không thể xác định theo các quy định tại Điều 1 thì trị giá hải quan là trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt được bán với mục đích xuất khẩu cho cùng một nước nhập khẩu vào cùng thời điểm hay cùng kỳ với lô hàng cần phải xác định trị giá.”

Vấn đề đặt ra khi sử dụng phương pháp này là xác định mặt hàng giống hệt với hàng hoá nhập khẩu. Điều 15.2 (a) xác định: “Mặt hàng giống hệt” là những hàng hoá giống nhau về mọi khía cạnh kể cả tính chất vật lý, chất lượng và danh tiếng. Những khác biệt nhỏ bên ngoài không ảnh hưởng đến việc coi hàng hoá là mặt hàng giống hệt.”

(3) Khi trị giá hải quan của hàng hoá không thể xác định được theo phương pháp thứ hai thì phương pháp thứ ba sẽ được áp dụng, đó là phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá tương tự. Phương pháp này được quy định tại Điều 3 của Hiệp định: “Nếu trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu không thể xác định được theo các quy định tại Điều 1 và Điều 2 thì trị giá hải quan

sẽ là trị giá giao dịch của mặt hàng tương tự được bán với mục đích xuất khẩu cho cùng một nước nhập khẩu vào cùng một thời điểm hay cùng kỳ với lô hàng cần xác định trị giá.”

Về “Mặt hàng tương tự” là những hàng hoá dù không giống nhau về mọi chi tiết nhưng có các đặc điểm giống nhau, được làm từ các nguyên vật liệu giống nhau và điều đó làm cho các mặt hàng này thực hiện được các chức năng giống nhau và có thể chuyển đổi, thay thế lẫn nhau về mặt thương mại. Chất lượng, danh tiếng và sự tồn tại của nhãn hiệu thương mại là những yếu tố được cân nhắc trong khi xét xem hàng hoá đó có phải là mặt hàng tương tự hay không” (Điều 15.2 (b)) .

Trong khi áp dụng hai phương pháp hàng mặt hàng giống hệt và mặt hàng tương tự, những yếu tố về số lượng hàng hoá và cấp độ thương mại của hàng hoá đó phải được xem xét để điều chỉnh thống nhất. Đó là vì trong các giao dịch thương mại, với điều kiện cạnh tranh thông thường thì giá cả hàng hoá phụ thuộc rất nhiều vào số lượng hàng hoá trong các giao dịch, cấp độ thương mại của giao dịch đó. Có thể nhận biết rất rõ sự khác biệt này giữa mua hàng với số lượng lớn và số lượng nhỏ, người mua hàng là người bán buôn, bán lẻ hay người tiêu dùng...

(4) Theo phương pháp trị giá khấu trừ (Điều 6), trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu sẽ được xác định căn cứ vào đơn giá mà ở mức giá đó, hàng nhập khẩu, hàng giống hệt hay hàng tương tự được bán với số lượng gộp lớn nhất, vào cùng thời điểm hay cùng kỳ nhập khẩu của lô hàng đang được xác định trị giá và bán cho người không có quan hệ đặc biệt với người bán lô hàng. Từ mức giá đó, người ta khấu trừ đi các khoản hoa hồng hay lợi nhuận và các chi phí chung có liên quan đến bán hàng tại nước nhập khẩu; các chi phí vận tải và bảo hiểm phát sinh trong phạm vi nước nhập khẩu và các khoản thuế, lệ phí của nước nhập khẩu.

(5) Phương pháp trị giá tính toán quy định trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu được căn cứ vào trị giá tính toán. Trị giá tính toán sẽ bao gồm các khoản sau:

- Giá thành hoặc trị giá nguyên vật liệu và bán thành phẩm hoặc các chi phí gia công khác đã sử dụng vào sản xuất hàng nhập khẩu;
- Khoản lợi nhuận và chi phí chung;
- Giá thành hoặc trị giá của mọi chi phí khác cần thiết theo Điều 8.2.

(6) Phương pháp cuối cùng quy định trong Hiệp định thường gọi là phương pháp dự phòng, hay phương pháp suy luận. Phương pháp này được nêu tại Điều 7 của Hiệp định, như sau: “Nếu trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu không thể xác định được theo các quy định từ Điều 1 đến Điều 6 thì trị giá hải quan sẽ được xác định bằng các phương pháp hợp lý, nhất quán với các nguyên tắc và quy định chung của Hiệp định này và với Điều VII của GATT 1994 và trên cơ sở các dữ liệu hiện có của nước nhập khẩu.”

Như vậy có thể hiểu rằng, nếu không thể xác định được trị giá hải quan của hàng hoá theo các phương pháp trị giá giao dịch, trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt, hàng hoá tương tự, trị giá khấu trừ hay trị giá tính toán thì cơ quan hải quan có thể sử dụng bất cứ một phương pháp nào phù hợp với các nguyên tắc chung, dẫn đến kết quả cuối cùng của việc xác định trị giá hải quan. Tuy nhiên, để thực hiện được theo phương pháp này thì cũng phải tuân thủ một số quy định như: không được sử dụng giá bán hàng trong nội địa nước xuất khẩu, nước nhập khẩu hay giá bán cho một nước không phải nước nhập khẩu; không được sử dụng phương pháp tính toán khác với phương pháp tính toán đã quy định trong Hiệp định; không được sử dụng giá tối thiểu hay giá áp đặt, giá giả định để làm trị giá hải quan.

Sử dụng hệ thống xác định trị giá hải quan theo Hiệp định Trị giá GATT/ WTO, cơ quan Hải quan phải tuân thủ một yêu cầu hết sức nghiêm ngặt, đó là chỉ được căn cứ vào những số liệu khách quan, định lượng được và

phải luôn tôn trọng các chi tiết của giao dịch mua bán hàng hoá. Mặc dù có nghi ngờ về trị giá đã khai báo của người nhập khẩu nhưng nếu cơ quan Hải quan không có đầy đủ bằng chứng, và người nhập khẩu chứng minh được tính xác thực của trị giá khai báo thì cơ quan hải quan không có quyền loại bỏ trị giá khai báo. Việc xác minh của hải quan khi đó sẽ được thực hiện thông qua các biện pháp nghiệp vụ khác và phải tiến hành sau khi đã giải phóng hàng hoá. Chính quy định này không những đảm bảo tốc độ thông quan hàng hoá tại cửa khẩu mà còn mở rộng quyền lực của cơ quan hải quan trong công tác quản lý hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu sau khi hàng đã vào lãnh thổ hải quan.

1.2.2. Các kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng trong kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

Để thực hiện công việc KTSTQ về TGHQ, ngay từ khi triển khai nghiệp vụ này công chức hải quan đã thực hiện các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ như: phương pháp nghiệp vụ kiểm toán, phương pháp quản lý rủi ro, phương pháp phân tích và xử lý thông tin, phương pháp lựa chọn đối tượng kiểm tra, kỹ thuật khảo sát trước khi kiểm tra và kỹ thuật kiểm tra hồ sơ chứng từ....

Các phương pháp và kỹ thuật nghiệp vụ này được công chức KTSTQ thực hiện trong toàn bộ quá trình thực hiện nghiệp vụ KTSTQ về TGHQ và mức độ áp dụng được tùy thuộc theo các bước nghiệp vụ KTSTQ được hướng dẫn tại quy trình KTSTQ

1.2.2.1 Phương pháp phân tích và xử lý thông tin

Phương pháp phân tích và xử lý thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan nhằm phân loại hồ sơ, doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu để lập kế hoạch, xác định được đối tượng KTSTQ về TGHQ hoặc phân loại doanh nghiệp vào diện theo dõi, chưa kiểm tra. Phương pháp phân tích, xử lý thông

tin áp dụng phổ biến trong KTSTQ là so sánh, đối chiếu giữa một thông tin được tạm coi là chuẩn như danh mục dữ liệu quản lý rủi ro về giá, kết quả phân loại của Tổng Cục hải quan... với các thông tin khác, hoặc giữa các thông tin với nhau như so sánh, đối chiếu đối với lô hàng cùng loại của doanh nghiệp hay lô hàng của chính doanh nghiệp đang được thu thập thông tin, nhưng xuất khẩu, nhập khẩu tại các thời điểm khác nhau.

Theo Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan, để phân tích, xử lý thông tin có hiệu quả cần tập trung vào các nguồn tin phục vụ KTSTQ về trị giá:

Đối với hàng hóa nhập khẩu:

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch:

- Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

- Nguồn thông tin đề quy đổi về quãng đường và phương thức vận tải, bảo hiểm.

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa giống hệt, tương tự:

- Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

- Các nguồn thông tin liên quan đến quy đổi về cấp độ thương mại và số lượng;

- Nguồn thông tin đề quy đổi về quãng đường và phương thức vận tải, bảo hiểm;

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp trị giá khấu trừ: Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp trị giá tính toán:

- Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

- Nguồn thông tin để quy đổi về quãng đường và phương thức vận tải, bảo hiểm;

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp suy luận:

- Sử dụng các nguồn thông tin tại 5 phương pháp nêu trên, trong đó lưu ý mở rộng thời gian thu thập nguồn thông tin theo quy định.

- Các nguồn thông tin khác: Giá trên thị trường nước xuất khẩu, giá bán trên thị trường nội địa, tạp chí,(sau khi đã được quy đổi về cùng cấp độ thương mại, thời gian,... với hàng nhập khẩu đang được xác định trị giá).

Đối với hàng hóa xuất khẩu:

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp giá bán tính đến cửa khẩu xuất: Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25a được quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan.

- Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25a được quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

- Các nguồn thông tin liên quan đến quy đổi về cấp độ thương mại và số lượng;

- Nguồn thông tin để quy đổi về quãng đường và phương thức vận tải, bảo hiểm.

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam.

- Nguồn thông tin từ các chứng từ, tài liệu quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25a được quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

- Nguồn thông tin để quy đổi về quãng đường và phương thức vận tải, bảo hiểm.

Trường hợp xác định trị giá theo phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập.

- Sử dụng các nguồn thông tin tại 3 phương pháp nêu trên, trong đó lưu ý thời gian thu thập nguồn thông tin theo quy định.

- Kết quả thẩm định giá của cơ quan có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật (nếu có).

Tại thời điểm xác định trị giá, công chức hải quan phải tra cứu và thu thập đầy đủ các nguồn thông tin tại cơ sở dữ liệu giá, các chứng từ tài liệu có liên quan theo từng phương pháp xác định trị giá, phân tích, đánh giá mức độ tin cậy của các nguồn thông tin trên hệ thống GTT02 và các nguồn thông tin thu thập được trước khi quy đổi về trị giá hải quan theo Quy chế dữ liệu. Chỉ sử dụng các nguồn thông tin sau khi đã được kiểm chứng có mức độ tin cậy để xác định trị giá. Không sử dụng các nguồn thông tin còn đang nghi vấn, chưa xử lý, kiểm chứng hoặc mức giá tham chiếu tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu rủi ro về trị giá để xác định trị giá. Việc xác định trị giá hải quan phải tuân thủ nguyên tắc, trình tự, phương pháp xác định trị giá quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP, khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

Các thông tin thu thập phải được in ra, thể hiện rõ nguồn thông tin, người thu thập thông tin, thời điểm thu thập thông tin và lưu cùng bộ hồ sơ của hàng hóa hàng nhập khẩu.

Nguồn thông tin ngoài Ngành Hải quan được cung cấp từ các Bộ, Ngành, cơ quan, đơn vị khác như Thuế, công an, Kho bạc, Ngân hàng...hoặc

từ Tổ chức Hải quan thế giới và Hải quan các nước cũng như các doanh nghiệp cung cấp; thị trường...

Khi phân tích, xử lý thông tin cần so sánh, đối chiếu mức giá do doanh nghiệp khai báo với mức giá hàng hóa giống hệt, tương tự trong cơ sở dữ liệu thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế của Tổng cục hải quan, bao gồm thông tin về giá khai báo của doanh nghiệp và các thông tin về giá điều chỉnh của các cơ quan hải quan đối với trường hợp đã tham vấn và bác bỏ trị giá khai báo. Hoặc so sánh, đối chiếu giá doanh nghiệp khai báo với mức giá hàng hóa giống hệt, tương tự do các doanh nghiệp khác khai báo, đã được cơ quan chấp nhận; hoặc so sánh, đối chiếu giữa giá doanh nghiệp khai báo với giá bán hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường nội địa, sau khi trừ đi chi phí phát sinh sau nhập khẩu. Ngoài ra, cán bộ làm công tác KTSTQ về TGHQ cũng lưu ý đến giá ghi trong tờ khai hải quan, trong hợp đồng thương mại, trên thị trường, mạng internet, từ các tổ chức trong và ngoài nước cung cấp khi so sánh, phân tích. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu các mặt hàng các mặt hàng có khả năng phát sinh các khoản phải cộng như phí bản quyền, phí giấy phép, của các mặt hàng thiết bị viễn thông, phần mềm, các doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện, nguyên liệu, để lắp ráp sản xuất trong nước; phí hoa hồng, các chi phí vận tải có liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu cho đến khi hàng hóa đã được vận chuyển đến cửa khẩu nhập đầu tiên, luôn được chú ý khi phân tích, xử lý thông tin.

Trên cơ sở phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập được, cán bộ KTSTQ về TGHQ lập báo cáo kết quả TTXLTT để đề xuất đối tượng đưa vào KTSTQ về TGHQ tại trụ sở doanh nghiệp hay tại trụ sở hải quan.

1.2.2.2 Kỹ thuật quản lý rủi ro

Cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp

thời các hành vi vi phạm pháp luật hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, đồng thời khuyến khích tạo thuận lợi tuân thủ pháp luật hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải nói trên. Các kỹ thuật quản lý rủi ro được sử dụng trong thời gian qua đã góp phần mang lại hiệu quả trong gian lận thương mại về trị giá hải quan.

Trong phân loại đối tượng KTSTQ về TGHQ, kỹ thuật quản lý rủi ro được tiến hành thông qua các nội dung như quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin dữ liệu liên quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế, đánh giá xếp hạng mức độ rủi ro đối với người thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu; phân tích rủi ro, xác định trọng điểm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh. Quản lý hồ sơ rủi ro đối với doanh nghiệp trọng điểm và các đối tượng khác có nguy cơ không tuân thủ pháp luật hải quan. Các kỹ thuật quản lý rủi ro được thực hiện phù hợp theo yêu cầu của cuộc kiểm tra KTSTQ về TGHQ tại trụ sở hải quan và trụ sở doanh nghiệp. Ví dụ: KTSTQ về TGHQ được tiến hành tại trụ sở hải quan dựa trên cơ sở phân loại hồ sơ, hàng hóa xuất nhập khẩu theo 3 mức rủi ro: Mức 1: rủi ro cao, Mức 2: Cần theo dõi để tiếp tục đánh giá rủi ro, Mức 3 chưa có thông tin.

Có thể thấy rằng, mặc dù đã có những kết quả đáng kể trong hoạt động KTSTQ, nhưng việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vẫn còn nhiều hạn chế mà một trong những nguyên nhân đó là công tác thu thập, xử lý thông tin còn phân tán, chông chéo. Để đẩy mạnh áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra sau thông quan cần nâng cấp, vận hành hiệu quả hệ thống thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan (STQ01); và xây dựng bộ tiêu chí phân loại hồ sơ hải quan, doanh nghiệp theo tiêu chí quản lý rủi ro để xác định đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra, phương pháp kiểm tra thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

1.2.2.3 Kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra chứng từ, sổ kế toán.

Trong trình tự tiến hành một cuộc KTSTQ về TGHQ cán bộ hải quan sẽ phải sử dụng những phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ đã nêu ở trên, tuy nhiên có thể nói phương pháp và kỹ thuật kiểm tra hồ sơ chứng từ, cụ thể là kỹ thuật kiểm tra chứng từ thương mại, kiểm tra chứng từ ngân hàng, kiểm tra chứng từ sổ sách kế toán là một trong những kỹ thuật kiểm tra sau thông quan để thẩm định độ chính xác và xác thực của tờ khai hải quan thông qua kiểm tra chứng từ và hồ sơ của đối tượng kiểm toán liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. Sổ sách chứng từ cần kiểm tra bao gồm các chứng từ bằng giấy tờ và dữ liệu điện tử do đối tượng bị kiểm tra lập ra, khách hàng và các bên thứ ba trong quá trình giao dịch ngoài các sổ sách kế toán lưu giữ.

Trên thực tế hiện nay, phương pháp xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu (PP1) được sử dụng phổ biến hơn cả, chiếm trên 95% tổng lượng tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Nên trong quá trình kiểm tra hồ sơ hải quan, cán bộ công chức hải quan chủ yếu kiểm tra theo phương pháp này. Nếu như trong thông quan, yêu cầu đặt ra khi kiểm tra tờ khai trị giá chỉ dừng lại ở sự thống nhất giữa khai báo và chứng từ đi kèm thì trong khâu sau thông quan, kiểm tra trị giá thực chất là kiểm tra tính chính xác, trung thực của trị giá đã khai báo, tức là kiểm tra về mặt “chất” của khai báo. Do đó, kiểm tra về trị giá hải quan trong khâu thông quan sẽ đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn.

Tại cơ quan hải quan, cán bộ kiểm tra trên cơ sở thông tin thu thập được sẽ quyết định có hay không đi sâu vào kiểm tra trị giá hàng hóa nhập khẩu. Việc kiểm tra tờ khai trị giá là chứng từ được lưu ý nhất trong quá trình kiểm tra. Theo đó, cán bộ hải quan kiểm tra về tư cách pháp nhân, kiểm tra về điều kiện mua bán, kiểm tra các điều kiện áp dụng, kiểm tra khai báo trị giá và tổng trị giá khai báo. Trên cơ sở đối chiếu với các chứng từ khác trong bộ hồ sơ, kết hợp với các nguồn dữ liệu hiện có của Tổng Cục Hải quan, cán bộ

kiểm tra bằng khả năng nghiệp vụ của mình sẽ phát hiện, khoanh vùng rủi ro những trường hợp nghi ngờ có khả năng gian lận. Trong trường hợp cần thiết để làm rõ hơn về trị giá, cơ quan Hải quan sẽ yêu cầu doanh nghiệp đến để giải trình, trả lời câu hỏi về trị giá đã khai báo.

Tại trụ sở doanh nghiệp, tuân thủ theo các quy định về công tác kiểm tra sau thông quan, cán bộ kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ hồ sơ nhập khẩu của loại hàng hóa cần kiểm tra, trong thời kỳ nhất định, tùy theo phạm vi kiểm tra đã được xác định từ trước. Tùy theo mục đích nhập khẩu của lô hàng, cán bộ kiểm tra sẽ lựa chọn những sổ sách kế toán liên quan để kiểm tra. Thông thường các tài khoản có liên quan đến các lô hàng nhập khẩu chủ yếu là các tài khoản sau: TK111 (Tiền mặt); TK 112(Tiền gửi ngân hàng); TK152(Nguyên liệu, vật liệu); TK156 (Hàng hóa); TK 131(Phải thu của khách hàng); TK 331(Phải trả cho người bán); TK611(Mua hàng)...

Ví dụ 1: Kiểm tra chi phí thu mua hàng hóa thông qua TK 1562: Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc nhập khẩu hàng hóa như chi phí bốc xếp, vận chuyển,.. Được phản ánh qua các tài khoản: Nợ TK 1562 và Có TK111, TK 112, TK 331...

Tài khoản 1562 thường chứa đựng nhiều khoản chi không hợp lý về hình thức chứng từ cũng như nội dung kinh tế. Chủ hàng khai trị giá hải quan thấp hơn thực tế để trốn thuế, nhưng mặt khác để tránh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp chủ hàng không thể để khoản chênh lệch quá lớn giữa giá vốn hàng bán với giá bán hàng thực tế trên thị trường. Vì những lý do thực tế này mà hầu hết khoản tiền trốn thuế hải quan đều hạch toán vào TK 1562. Khi kiểm tra sau thông quan phải đối soát kỹ mọi chứng từ gốc và đặc biệt chú ý những khoản chi có giá trị lớn nhưng có nội dung kinh tế không rõ ràng, những khoản chi không có chứng từ hợp lý, hợp lệ.

Ví dụ 2: Kiểm tra giá vốn hàng bán ra qua TK 632:

Về nguyên tắc giá vốn hàng bán ra bao gồm 3 khoản:

- + Giá mua hàng hóa.
- + Chi phí thu mua hàng hóa.
- + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Ba khoản này được phản ánh trong hai TK 1561 và TK 1562.

Kiểm tra phân tích giá mua hàng (trị giá hải quan) trong trường hợp này cần đề phòng xu hướng doanh nghiệp tìm mọi cách đẩy giá gốc lên để trốn thuế thu nhập và hợp thức hóa phần trị giá hải quan đã trốn. Cần chú ý tính nhất quán của khoản mục trị giá mua hàng giữa TK 1561 và tài khoản này, nếu có chênh lệch phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình.

Cũng cần lưu ý rằng, hầu hết trường hợp khai báo trị giá hải quan thấp hơn thực tế, “phần còn thiếu” đều được biến tướng vào các TK 1561, 1562 hoặc TK 632. Trường hợp khó khăn quá mới đưa sang chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) hoặc chi phí bán hàng (TK 641)...

Bên cạnh đó, các chứng từ ngân hàng, các thư tín thương mại liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp cũng được kiểm tra theo yêu cầu của cuộc kiểm tra.

Kết quả của việc kiểm tra này sẽ góp phần đưa đến kết luận cuối cùng của một cuộc KTSTQ về TGHQ. Bởi vì, những chứng từ liên quan đến hồ sơ xuất nhập khẩu đều có nguồn gốc từ đó, chúng liên quan chặt chẽ với nhau. Nếu có những gian lận và biểu hiện của những gian lận hầu hết đều do sự không thống nhất và ăn khớp giữa những thông tin liên quan của cùng một đối tượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mặt khác, do tính chất liên quan đến trị giá hải quan, cán bộ làm công tác KTSTQ về TGHQ còn phải phối hợp với Cục thu thuế xuất, nhập khẩu, phòng trị giá tính thuế thuộc Cục thuế xuất nhập khẩu (Tổng Cục Hải quan) - là phòng trực tiếp thực hiện việc quản lý công tác trị giá trong toàn Ngành Hải quan và các đơn vị trong, ngoài cơ quan Hải quan để phục vụ cho quá trình kiểm tra thông qua các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ như kiểm tra trị giá

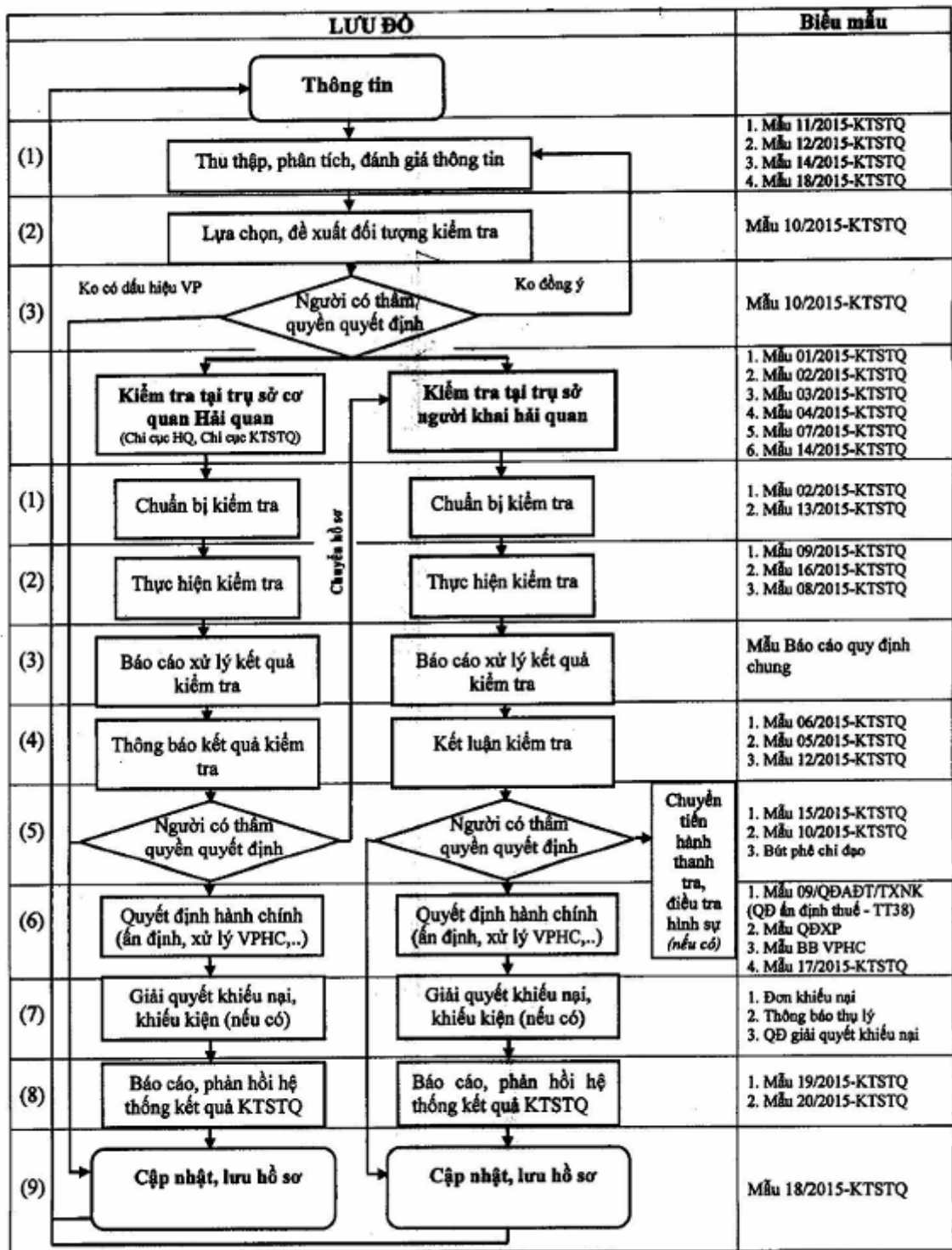
khai báo, kỹ thuật tham vấn để xác định trị giá trong quá trình kiểm tra sau thông quan.

Nội dung thực hiện các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ KTSTQ về TGHQ được đưa vào trong nội dung của các bước trong quy trình KTSTQ mà không có hướng dẫn cụ thể mức độ áp dụng các phương pháp nghiệp vụ trong từng bước công việc của cuộc KTSTQ, do đó công chức hải quan khi vận dụng các phương pháp nghiệp vụ KTSTQ về TGHQ phải tùy thuộc vào nhiệm vụ, công việc được giao.

1.2.4 Quy trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

Kiểm tra sau thông quan là một trong những nghiệp vụ chuyên môn chủ yếu của ngành Hải quan. Quy trình kiểm tra sau thông quan do Tổng Cục Hải quan quy định và hướng dẫn thực hiện trong nội bộ Ngành để đảm bảo sự chỉ đạo tập trung thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ trong thực hiện chính sách hải quan. Quy trình KTSTQ được sửa đổi, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với tình hình, đặc điểm công tác hải quan trong thời kỳ.

Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan về cơ bản tuân thủ quy trình KTSTQ đã được quy định. Quy trình KTSTQ được hướng dẫn tại Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan ngày 14 tháng 05 năm 2015. Theo quyết định này, Quy trình KTSTQ về TGHQ được tách biệt bởi hai quy trình riêng là: Quy trình KTSTQ về TGHQ tại trụ sở cơ quan hải quan và Quy trình KTSTQ về TGHQ tại trụ sở đơn vị được kiểm tra.



Biểu đồ 1. 1: Lưu đồ quy trình KTSTQ

Nguồn: Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ

Theo quy trình này, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan sẽ bao gồm 3 giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn thu thập, xử lý thông tin trong nghiệp vụ KTSTQ đối với loại có dấu hiệu vi phạm và đối với loại chưa có dấu hiệu vi phạm. Quy trình KTSTQ được thực hiện theo trình tự: tiến hành thu thập xử lý thông tin đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm trước (những vi phạm về trị giá, các chi phí phát sinh...), sau đó là thu thập xử lý thông tin đối với trường hợp chưa có dấu hiệu vi phạm (đây là trường hợp thu thập thông tin phục vụ cho việc kiểm tra sau thông quan có kế hoạch không nhằm trên dấu hiệu gian lận mà chủ yếu để kiểm tra xác suất sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp)

- Giai đoạn KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin đã thu thập được, cán bộ hải quan đề xuất KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc tại trụ sở doanh nghiệp; Lập kế hoạch KTSTQ, KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục đã ban hành.

- Giai đoạn lập hồ sơ và ban hành quyết định hành chính trong lĩnh vực KTSTQ đối với hàng hóa XK, NK. Việc lập hồ sơ lưu trữ và ban hành các quyết định hành chính được thực hiện thống nhất và tuân theo các quy định của pháp luật, các biên bản được ban hành thể hiện rõ được trách nhiệm của từng người, từng khâu công việc trong quá trình tham gia vụ việc KTSTQ về TGHQ.

Cũng theo quy định hiện hành của quy trình KTSTQ, kết thúc của quy trình KTSTQ về TGHQ là cách xử lý kết quả kiểm tra với các hình thức sau đây.

- Truy thu thuế và các khoản phải thu khác.

- Hoàn thuế và hoàn các khoản phải hoàn khác cho đối tượng chịu KTSTQ về TGHQ.

- Xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng chịu KTSTQ về TGHQ tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Qua đó, công chức hải quan phải theo dõi việc xử lý kết quả KTSTQ để cập nhật vào cơ sở dữ liệu của ngành.

1.3. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan

1.3.1 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Quảng Ninh

Để phục vụ ngành công nghiệp sản xuất và khai thác than, nhiều DN trên địa bàn tỉnh tham gia NK thiết bị hàm lò, vật tư, nguyên liệu để sản xuất thiết bị điện, lắp ráp xe ô tô để vận chuyển than... Đây là những mặt hàng thường có trị giá lớn, thuế suất NK, đặc biệt là thuế GTGT khâu NK cao. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ pháp luật của DN không chỉ tập trung vào những DN NK nhóm mặt hàng tiêu dùng có thuế suất NK cao, mà còn phải lựa chọn để kiểm tra đối với những DN có hoạt động XNK hàng hóa để phục vụ ngành than.

Theo Cục Hải quan Quảng Ninh, trong quá trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan thì công tác thu thập, phân tích thông tin, lựa chọn đối tượng kiểm tra là những công việc rất quan trọng.

Đặc biệt, cần thực hiện các biện pháp khoanh vùng các nội dung cần tiếp tục tiến hành kiểm tra sâu. Cụ thể là trị giá thanh toán khi kiểm tra tại trụ sở Hải quan và khoanh vùng trị giá, số lượng hàng hóa nhập kho khi kiểm tra tại trụ sở DN.

Bên cạnh đó, Cục Hải quan Quảng Ninh cũng cho rằng, việc KTSTQ tại trụ sở DN rất quan trọng, bởi như vậy mới có điều kiện để đối chiếu giữa thực tế khai báo của DN trên tờ khai với thực tế phản ánh trên chứng từ sổ sách kế toán của DN, qua đó với phát hiện được chênh lệch. Như vậy mới đánh giá một cách tổng thể nhất để đưa ra được những chứng cứ xác thực đối với hành vi vi phạm của DN.

1.3.2 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Đà Nẵng

Ngoài việc kiểm tra sau thông quan để đánh giá tuân thủ pháp luật, Cục Hải quan Đà Nẵng còn thực hiện kiểm tra sau thông quan theo dấu hiệu vi

phạm và kiểm tra sau thông quan trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Thời hạn kiểm tra sau thông quan trong 5 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Cục Hải quan Đà Nẵng đã triển khai thu thập thông tin tại các cơ quan liên quan theo chuyên đề rượu nhập khẩu. Đồng thời thực hiện nhiệm vụ quản lý, theo dõi, đánh giá về doanh nghiệp trọng điểm; tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chí về yêu cầu thu thập thông tin, số liệu về hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp để phục vụ việc quản lý, theo dõi, đánh giá về doanh nghiệp.

1.3.3 Kinh nghiệm của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong việc thu thập, xử lý thông tin để xây dựng kế hoạch KTSTQ, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần vào nỗ lực chung của ngành Hải quan trong việc áp dụng quản lý hiện đại, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ pháp luật trong hoạt động XNK hàng hóa, tiếp tục ngăn chặn kịp thời các trường hợp hợp cố tình gian lận gây thất thu cho NSNN, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị thu ngân sách của toàn Ngành.

Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã tăng cường kiểm tra các trường hợp doanh nghiệp có rủi ro cao, hoạt động xuất nhập khẩu phức tạp và thực hiện sản xuất, xuất nhập khẩu tại nhiều địa phương khác nhau; kiểm tra các lĩnh vực, vấn đề nổi cộm, chú trọng kiểm tra về trị giá, mã số hàng hóa.

Đồng thời, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chú trọng nâng cao công tác thu thập, phân tích thông tin phục vụ hoạt động KTSTQ, xác minh thông tin và xử lý kết quả KTSTQ về trị giá hải quan.

Bên cạnh đó, việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác KTSTQ hết sức quan trọng.

1.3.4 Bài học kinh nghiệm cho Cục Hải quan Hải Phòng.

Hoạt động KTSTQ cũng như KTSTQ về trị giá hải quan của các địa phương rất đa dạng và phong phú, phụ thuộc vào điều kiện về địa lý, kinh tế, xã hội, con người và đặc biệt là yêu cầu quản lý kinh tế của vùng để có những

hoạt động đặc thù. Chọn lọc từ kinh nghiệm thực tế của các địa phương, một số bài học cho Cục Hải quan Hải Phòng như sau:

- Coi trọng công tác đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra sau thông quan về TGHQ:

Công tác cán bộ có tính chất quyết định đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động KTSTQ. Một trong những ưu tiên hàng đầu là chất lượng cán bộ KTSTQ. Yêu cầu về trình độ đối với các công chức chuyên trách KTSTQ về TGHQ thường cao hơn so với các bộ phận khác. Họ phải được trang bị kiến thức về pháp luật hải quan, nguyên tắc kế toán, kỹ thuật kiểm toán, ngân hàng, thương mại quốc tế, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đặc biệt quan tâm đến liên chính hải quan.

Chính vì vậy, Cục Hải quan Hải Phòng đã quan tâm đến công tác đào tạo cho công chức hải quan, bao gồm cả số cán bộ mới tuyển dụng, số cán bộ từ các bộ phận khác chuyển sang và số cán bộ đang làm ở bộ phận KTSTQ. Việc luân chuyển cán bộ được ưu tiên thực hiện giữa các đơn vị trong hệ thống và sau đó là giữa các đơn vị nghiệp vụ như: thông quan hàng hoá, trị giá, điều tra chống buôn lậu...

- Ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý rủi ro; hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu phục vụ cho KTSTQ về TGHQ được cập nhật đầy đủ, chia sẻ kịp thời:

Với nguồn nhân lực hạn chế và đã được tinh giản, việc thực hiện quản lý trên nguyên tắc quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin với một hệ thống hạ tầng về thông tin tiên tiến, cho phép hầu hết các công việc được tiến hành một cách tự động hoá. Việc lựa chọn đối tượng KTSTQ trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý rủi ro là kinh nghiệm quý trong công tác KTSTQ về TGHQ. Để kiểm tra trị giá, cần tạo dựng hệ thống thông tin dữ liệu giá từ nhiều nguồn khác nhau trên cơ sở phân tích, lựa chọn thông tin để làm cơ sở cho việc kiểm tra so sánh giá khai báo, đồng bộ hóa cơ

sở dữ liệu, cung cấp cho toàn ngành, trong quá trình thông quan và sau thông quan.

- *Coi trọng công tác phối hợp trong kiểm tra sau thông quan về trị giá*

Hải quan:

Việc phối hợp trong ngành và ngoài ngành có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả công tác KTSTQ về TGHQ. Để công tác kiểm tra phần trị giá đạt kết quả tốt ngoài việc phối kết hợp chặt chẽ giữa các khâu trong thông quan, sau thông quan và điều tra chống buôn lậu nhằm chia sẻ thông tin với nhau và cùng nhau hướng dẫn, Cục Hải quan Hải Phòng cần thực hiện các biện pháp chống khai báo giá thấp... Cục Hải quan Hải Phòng còn phải có thẩm quyền tiếp cận và sử dụng các hồ sơ, các dữ liệu thương mại về hoạt động mua, bán hàng hóa, giao dịch ngoại tệ, vận chuyển hàng hoá, bán hàng hoá sau khi nhập khẩu có liên quan của các doanh nghiệp từ ngân hàng, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan công an, cũng như các cơ quan khác có liên quan.

Ngoài ra, việc phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn còn được thể hiện như: Công tác giám định, đánh giá, kiểm tra các tiêu chuẩn, định mức... cũng như việc hỗ trợ lực lượng và phương tiện kỹ thuật trong các trường hợp cần thiết.

Kết luận chương 1

Chương 1 đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, vai trò và yêu cầu của kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan trong công cuộc hiện đại hóa hải quan. Mặt khác, bằng việc nghiên cứu kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan của một số nước cụ thể, nhằm rút ra bài học kinh nghiệm và những kinh nghiệm này sẽ là một trong những yếu tố để vận dụng trong việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng trong những năm tới.

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH
VỰC TRỊ GIÁ TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG

2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Cục Hải quan Hải Phòng.

2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển

Tên đầy đủ: Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 159 đường Lê Hồng Phong, P. Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (022) 53 836 262

Website: www.hpcustoms.gov.vn

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng được thành lập ngày 14 tháng 4 năm 1955 theo Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB của Bộ công thương. Các đơn vị trực thuộc Cục gồm: phòng Tổ chức cán bộ; phòng Hành chính quản trị; phòng Giám quản hàng hoá xuất nhập khẩu và công cụ vận tải xuất nhập cảnh; phòng Kiểm hoá và thuế - Giá biểu; Phòng Kiểm nghiệm hàng hoá; phòng Kiểm soát và xử lý; phòng Thuyền vụ làm nhiệm vụ bảo quản, điều động phương tiện thuỷ các loại để phục vụ công tác kiểm soát, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; đội Kiểm soát, giám sát vùng duyên hải; đội Thương cảng; phòng Hải quan Hòn Gai; phòng Hải quan Cửa Ông; phòng Hải quan Diêm Điền; phòng Hải quan Đồ Sơn; phòng Hải quan Cát Bà; phòng Quản lý xuất nhập khẩu.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan Trung ương.

Ngày 17 tháng 6 năm 1962, đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng.

Ngày 20/11/1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn thành lập Tổng cục Hải quan, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Phân cục Hải quan Hải Phòng được đổi thành Hải quan Thành phố Hải Phòng.

Năm 1994, Hải quan thành phố Hải Phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải Phòng.

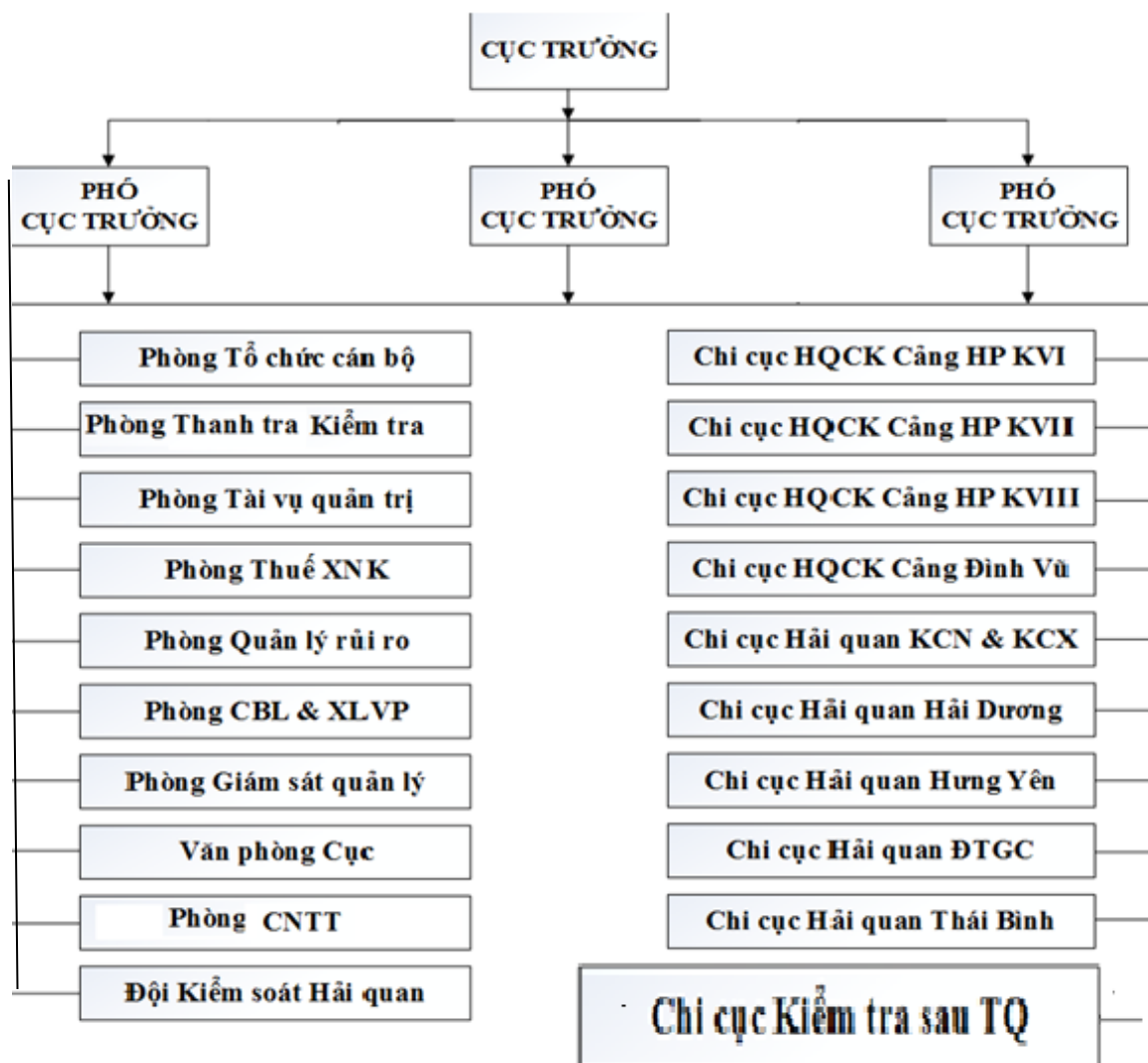
Tập thể cán bộ công chức Cục Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về hải quan; liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan.

Cục Hải quan Hải Phòng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp: Kiện toàn tổ chức bộ máy; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện kế hoạch cải cách; phát triển, hiện đại hoá Hải quan giai đoạn 2015-2020; công khai hoá quy trình thủ tục Hải quan, niêm yết công khai văn bản mới; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; tổ chức tuyên truyền pháp luật đến người khai Hải quan, người nộp thuế bằng nhiều hình thức, như: Thông tin đại chúng, tại trụ sở Cục, tư vấn hỗ trợ qua điện thoại... nhằm thu hút hoạt động XNK tại địa bàn, tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác quản lý giá tính thuế.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan Hải Phòng

Sau khi Luật Hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành, bộ máy tổ chức Cục Hải quan Hải phòng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan.

Hiện nay, Cục có 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 09 chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 09 phòng ban tham mưu, 02 đơn vị tương đương (Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt).



Hình 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng
 Nguồn: Phòng tổ chức cán bộ - Cục Hải quan Hải Phòng

2.1.3 Đội ngũ cán bộ, viên chức

Trong giai đoạn 2013 - 2017, tổng số cán bộ nhân viên tại Cục Hải quan Hải Phòng đang đối ổn định. Năm 2013 có 982 người, năm 2014 và 2015 có 969 người (giảm 13 người tương đương với 1.32% so với năm 2013). Năm 2016 có 974 cán bộ, nhân viên (tăng 5 người tương đương 0.52% so với năm 2015). Năm 2017 tăng lên 978 người (tăng 4 người tương đương 0.41% so với năm 2016).

Song song với đó, về mặt số lượng thì trình độ của cán bộ, nhân viên Cục Hải quan Hải Phòng cũng ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu và

đòi hỏi của công việc. Điều này được thể hiện qua sự gia tăng của số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học qua các năm.

Bảng 2. 1: Tình hình nhân sự của Cục Hải Quan Hải Phòng

(Đơn vị: người)

Tiêu chí		Tổng số NV	Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp
2013	Số lượng	982	161	812	9
	Tỷ lệ (%)	100	16,4	82,69	0.92
2014	Số lượng	969	168	794	7
	Tỷ lệ (%)	100	17,34	81,94	0.72
2015	Số lượng	969	178	784	7
	Tỷ lệ (%)	100	18.37	80.91	0.72
2016	Số lượng	974	172	795	7
	Tỷ lệ (%)	100	17.66	81.62	0.72
2017	Số lượng	978	225	746	7
	Tỷ lệ (%)	100	23.01	76.28	0.72
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	(13)	7	(18)	(2)
	Tỷ lệ (%)	(1.32)	4.35	(2.22)	(22.22)
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	-	10	(10)	-
	Tỷ lệ (%)	-	5.95	(1.26)	-
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	5	-6	11	0
	Tỷ lệ (%)	0.52	(3.37)	1.40	-
Chênh lệch 2017_2016	Số lượng	4	53	-49	0
	Tỷ lệ (%)	0,41	30,81	(6,16)	-

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng (giai đoạn 2013 – 2017)

Ngoài ra, số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ trên đại học cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao. Tất cả các năm trong giai đoạn số lượng cán bộ, nhân viên có trình độ trên đại học đều chiếm tỷ lệ trên 18% tổng số nhân viên đơn vị. Có được kết quả này chính là nhờ lãnh đạo Cục Hải quan Hải Phòng đã luôn chú trọng và đặt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển nguồn nhân lực lên hàng đầu, để có thể đáp ứng được những đòi hỏi cấp thiết của

công cuộc cải cách, hiện đại hóa Hải quan cũng như yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4 Một số kết quả đã đạt được của Cục Hải quan Hải Phòng

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa (giai đoạn 2013 – 2017)

Bảng 2. 2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm

(Đơn vị: Tỷ USD)

Tiêu chí		Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng KN XNK
2013	Giá trị	47.85	9.16	57.01
	Tỷ lệ (%)	83.93	16.07	100
2014	Giá trị	49.26	11.29	60.55
	Tỷ lệ (%)	81.35	18.65	100
2015	Giá trị	53.86	8.72	62.58
	Tỷ lệ (%)	86.07	13.93	100
2016	Giá trị	47.86	8.59	56.44
	Tỷ lệ (%)	84.79	15.21	100.00
2017	Giá trị	58.47	12.13	70.60
	Tỷ lệ (%)	82.82	17.18	100.00
Chênh lệch 2014_2013	Giá trị	1.41	2.13	3.54
	Tỷ lệ (%)	2.95	23.25	6.21
Chênh lệch 2015_2014	Giá trị	4.60	(2.57)	2.03
	Tỷ lệ (%)	9.34	(22.76)	3.35
Chênh lệch 2016_2015	Giá trị	(6.00)	(0.13)	(6.14)
	Tỷ lệ (%)	(11.14)	(1.53)	(9.80)
Chênh lệch 2017_2016	Giá trị	10.61	3.55	14.16
	Tỷ lệ (%)	22.18	41.29	25.09

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng (giai đoạn 2013 – 2017)

Giá trị kim ngạch XK tại Cục hải quan Hải Phòng trong giai đoạn 2013-2017 không ổn định. Năm 2015 kim ngạch XK đạt 53.86 tỷ USD (chiếm 86% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 giảm xuống còn 47.86 tỷ USD (giảm 11.14% so với năm 2015 nên chỉ chiếm 85% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2017 tăng mạnh, đạt 58,47 tỷ USD (tăng 22.18% so với năm 2016 nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 83.65% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Kim ngạch NK tại Cục trong giai đoạn 2013 – 2017 cũng không ổn định. Năm 2015 kim ngạch NK đạt 8.72 tỷ USD (chiếm 14% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 giảm xuống còn 8.59 tỷ USD (giảm 1.53% so với năm 2015, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2017 tăng lên đạt 12,13 tỷ USD (tăng 41.29% so với năm 2016 nên tỷ trọng tăng lên đạt 16% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Nguyên nhân của sự thay đổi là do năm 2016 nền kinh tế khá ảm đạm nhưng sang năm 2017 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nên các doanh nghiệp có xu hướng nhập khẩu trang thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất nên cả kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đều tăng.

Hiện nay, hàng hóa làm thủ tục thông quan tại Cục Hải quan Hải Phòng chủ yếu là hàng rời và hàng đóng trong container. Các mặt hàng sắt thép, ô tô nguyên chiếc và phụ tùng, linh kiện lắp ráp ô tô, thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, lúa gạo, xăng dầu, ... là những mặt hàng chủ đạo, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài quy mô về hàng hóa tăng lên, chủng loại hàng hóa cũng đa dạng hơn, chủ thể XNK càng đa thành phần, thị trường đi và đến ngày càng được mở rộng... do đó khâu KTSTQ ngày càng được coi là khâu quan trọng trong nghiệp vụ tại Cục Hải quan Hải Phòng.

Số lượng tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu Cục Hải quan Hải Phòng giải quyết

Số lượng tờ khai xuất nhập khẩu do Cục giải quyết trong giai đoạn 2013 - 2017 được thể hiện trong bảng 2.3.

Theo số liệu trong bảng 2.3 cho thấy, số lượng tờ khai XNK mà Cục Hải quan Hải Phòng giải quyết được trong giai đoạn 2013 – 2017 không ổn định. Theo đó năm 2015 Cục giải quyết được 1.000.911 tờ khai, năm 2016 giảm xuống còn 1.178.998 tờ khai (giảm 17.8% so với năm 2015); năm 2017 số lượng tờ khai giải quyết được đạt 1,309,630 tờ (tăng 11.08% so với năm 2016).

Bảng 2. 3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Cục Hải quan Hải Phòng

(Đơn vị: tờ khai)

Tiêu chí		Số tờ khai XK	Số tờ khai NK	Tổng số TK
2013	Số lượng	601872	106213	708085
	Tỷ lệ (%)	85.0	15.0	100.0
2014	Số lượng	1294677	176547	1471224
	Tỷ lệ (%)	88	12	100
2015	Số lượng	865,788	135,123	1,000,911
	Tỷ lệ (%)	86.50	13.50	100
2016	Số lượng	1,120,048	58,950	1,178,998
	Tỷ lệ (%)	95.00	5.00	100
2017	Số lượng	1,217,956	91,674	1,309,630
	Tỷ lệ (%)	93.0	7.0	100
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	692,805	70,334	763,139
	Tỷ lệ (%)	115.1	66.2	107.8
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	(428,889)	(41,424)	(470,313)
	Tỷ lệ (%)	(33.1)	(23.5)	(32.0)
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	254,260	(76,173)	178,087
	Tỷ lệ (%)	29.4	(56.4)	17.8
Chênh lệch 2017_2016	Số lượng	97,908	32,724	130,632
	Tỷ lệ (%)	8.74	55.51	11.08

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng
(giai đoạn 2013 – 2017)*

Số lượng tờ khai XK không ổn định theo các năm, năm 2015 Cục giải quyết được 865.788 tờ khai XK, năm 2016 tăng lên đạt 1.120.048 tờ khai (tăng 29.4% so với năm 2015), năm 2017 tăng lên 1,217,959 tờ khai (tăng 8.74% so với năm 2016).

Số lượng tờ khai NK không ổn định qua các năm, năm 2014 Cục giải quyết được 176,547 tờ khai XK, năm 2015 giảm xuống còn 135,123 tờ khai (giảm 23.5% so với năm 2014), năm 2016 giảm xuống còn 58,950 tờ khai (giảm 56.4% so với năm 2015), năm 2017 tăng lên đạt 91,674 tờ khai (tăng 55.51% so với năm 2016).

Có được kết quả này là do năm 2017 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và đặc biệt là sự cố gắng vượt bậc của Cục hải quan Hải Phòng.

Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước

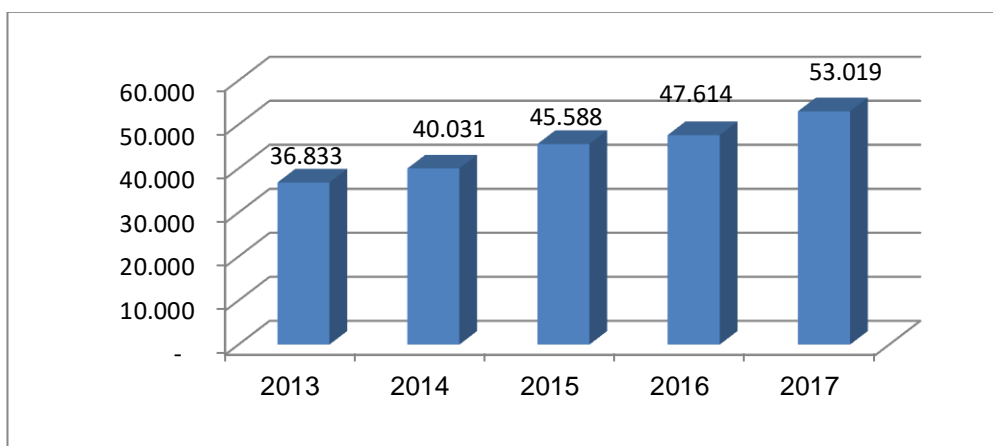
Thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Cục Hải quan TP Hải Phòng. Các giải pháp tập trung vào các lĩnh vực: tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu, tăng cường công tác cải cách hiện đại hóa; tăng cường quản lý thu NSNN, thu hồi và xử lý nợ thuế, tập trung rà soát các mặt hàng có thuế suất cao, trị giá lớn, tần suất nhập khẩu nhiều, C/O ưu đãi... Một trong những kết quả đáng ghi nhận của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2013 - 2017 đó chính là sự gia tăng của số thuế thu nộp ngân sách Nhà nước.

Bảng 2. 4: Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Chỉ tiêu được giao	Số thu (tỷ đồng)	Tỷ TH/CT (%)
2013	41.320	36.833	89,14
2014	38.600	40.031	103,7
2015	42.000	45.588	108,5
2016	48.590	47.614	98%
2017	59.000	53.019	89,9%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng



Biểu đồ 2. 2: Thu nhập ngân sách nhà nước (giai đoạn 2013 – 2017)

Số thực hiện thu nhập NSNN năm sau luôn cao hơn năm trước. Đặc biệt năm 2017 là năm đầu tiên Cục đạt mốc thu trên 53.000 tỷ đồng, tăng 11,3% so với số thực thu năm 2016 - cao nhất từ trước đến nay, đứng thứ 2 trong cả nước. Tuy nhiên do chỉ tiêu Bộ Tài chính giao thu NSNN cao (tăng 23,9% so với số thực thu năm 2016) nên số thực thu chỉ đạt 89,8% chỉ tiêu giao.

2.2 Giới thiệu về Chi cục KTSTQ - Cục Hải quan Hải Phòng

2.2.1 Lịch sử hình thành phát triển

Quá trình 12 năm ra đời, xây dựng và phát triển của Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan TP.Hải Phòng có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ 06/6/2006 đến tháng 12/2014 là giai đoạn thực hiện công tác KTSTQ theo Quy định của Luật Hải quan năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan năm 2011.

Từ khi thành lập, Chi cục có 35 công chức trong đó có 10 công chức đang công tác tại Phòng kiểm tra sau thông quan còn lại được điều động từ các Chi cục Hải quan cửa khẩu và các công chức mới được tuyển dụng vào ngành. Tuy trình độ có mặt còn hạn chế và còn nhiều bất ngờ khi tiếp cận với nghiệp vụ mới song đã đoàn kết một lòng xây dựng Chi cục KTSTQ. Các tổ chức trong Chi cục: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các Đội công tác v.v từng bước được hình thành và tổ chức hoạt động. Không thể kể hết những

khó khăn ban đầu. Khó khăn là vậy, nhưng lãnh đạo và công chức thừa hành luôn gắn bó, chia sẻ và gấn gũi động viên nhau để cố gắng vượt qua.

Trong giai đoạn này, Chi cục KTSTQ đã thực hiện nhiều chuyên đề lớn, điển hình trong toàn ngành, phát hiện nhiều thủ đoạn gian lận mới kịp thời truy thu thuế cho ngân sách nhà nước. Thông qua hoạt động kiểm tra sau thông quan, Chi cục đã phát hiện nhiều bất cập về chính sách để kiến nghị sửa đổi kịp thời. Nhiều kiến nghị của Chi cục KTSTQ được đưa vào Thông tư hướng dẫn kiểm tra sau thông quan, quy trình kiểm tra sau thông quan và được cụ thể hóa vào Luật Hải quan năm 2014.

Tháng 7 năm 2014 Chi cục Kiểm tra sau thông quan được chuyển về tòa nhà Cục Hải quan TP. Hải Phòng, một trụ sở làm việc khang trang, bề thế, hiện đại tương đối đầy đủ cơ sở vật chất.

Giai đoạn 2: Từ tháng 1/2015 đến nay:

Năm 2015 là năm có những thay đổi cơ bản về chính sách tác động lớn đến hoạt động kiểm tra sau thông quan:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Những thay đổi về của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn đã tác động sâu rộng đến toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan cả về cơ cấu tổ chức đến các hoạt động nghiệp vụ KTSTQ.

- Chi bộ Kiểm tra sau thông quan được Đảng bộ Cục Hải quan Hải Phòng quyết định nâng cấp thành Đảng bộ Chi cục Kiểm tra sau thông quan theo Quyết định số 746-QĐ/ĐUHQ ngày 28/1/2015 bao gồm 4 Chi bộ trực thuộc.

Ngay từ khi Luật Hải quan chưa có hiệu lực Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã chủ động nghiên cứu triển khai Luật Hải quan về KTSTQ. Trên cơ sở đó Chi cục KTSTQ đã tham mưu cho Cục Hải quan Hải Phòng ban hành văn bản số 2470/HQHP-KTSTQ ngày 07/4/2015 chỉ đạo các Chi cục trực thuộc triển khai công tác kiểm tra sau thông quan theo mô hình Chi cục KTSTQ

thực hiện KTSTQ theo thẩm quyền của Cục trưởng; Bộ phận KTSTQ nằm trong Đội Quản lý thuế tại các Chi cục hải quan Cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực I, II, III, Đình Vũ và nằm trong Đội Tổng hợp tại các Chi cục ngoài cửa khẩu thực hiện KTSTQ theo thẩm quyền của Chi cục trưởng. Việc triển khai mô hình KTSTQ tại các Chi cục trực thuộc Cục Hải quan TP. Hải Phòng được Tổng cục Hải quan đánh giá cao và được triển khai áp dụng trong toàn quốc.

Do chủ động, quyết liệt trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện nên công tác KTSTQ tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng tạo được bước đột phá. Kết quả đạt được khá toàn diện trên tất cả các mặt công tác.

- Một số chuyên đề lớn đã triển khai thành công trong điều kiện phải chịu nhiều áp lực từ phía Doanh nghiệp, công luận...như:

+ Chuyên đề KTSTQ về mã số đối với mặt hàng phôi thép đã thu thu nộp ngân sách được 62 tỷ đồng.

+ Chuyên đề kiểm tra C/O mặt hàng xăng dầu đã thu nộp ngân sách 92 tỷ đồng.

+ Chuyên đề về khai báo mã nguy trang: Đã thu nộp ngân sách trên 10 tỷ đồng, đồng thời hướng dẫn các Chi cục rà soát truy thu những lô hàng tương tự.

2.2.1 Cơ cấu tổ chức

Hiện nay số lượng cán bộ công chức của Chi cục Kiểm tra sau thông quan với hơn 80 người với 01 Chi cục trưởng, 03 Phó Chi cục trưởng, 05 Đội trưởng, 06 Phó đội trưởng phụ trách các đội nghiệp vụ như sau:

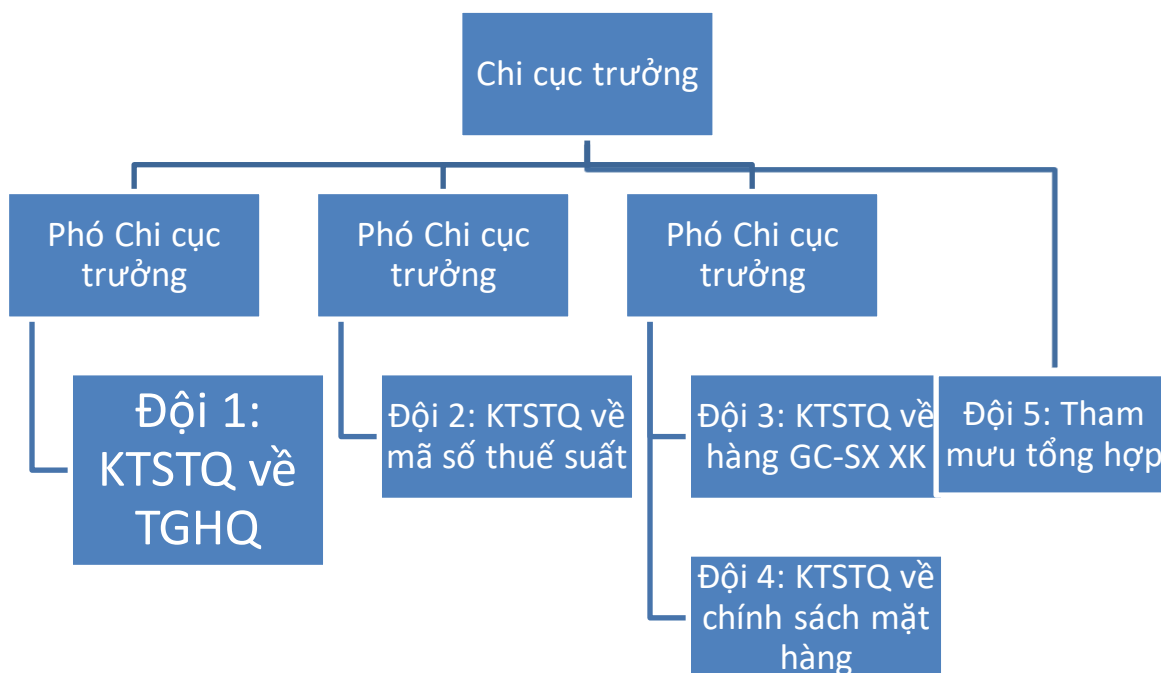
Đội 1: Kiểm tra STQ về trị giá tính thuế;

Đội 2: Kiểm tra STQ về mã số, thuế suất;

Đội 3: Kiểm tra STQ hàng gia công, sản xuất xuất khẩu;

Đội 4: Đội kiểm tra về Chính sách thương mại;

Đội 5: Tham mưu tổng hợp



2.2.2 Chức năng nhiệm vụ của Chi cục

Chi cục KTSTQ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan năm 2014, các quy định khác của Pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Trình Cục trưởng kế hoạch hàng năm về công tác KTSTQ của Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng.

- Giúp Cục trưởng trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KTSTQ trong phạm vi quản lý của Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng.

- Thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin trong và ngoài ngành để phục vụ công tác KTSTQ.

- Giúp Cục trưởng trong việc ra quyết định KTSTQ. Trực tiếp thực hiện KTSTQ theo quy định của pháp luật. Xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Pháp luật... Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng giao.

2.3 Thực trạng kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải quan Hải Phòng.

2.3.1 Thực trạng về đội ngũ cán bộ kiểm tra sau thông quan tại Chi cục

Bảng 2. 5: Số lượng cán bộ kiểm tra sau thông quan

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số CBCC Cục HQHP	982	969	969	974	978
CBCC thuộc Chi cục KTSTQ	65	74	81	81	80
Tỷ lệ (%)	6,62	7,64	8,36	8,32	8,18

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan Hải Phòng

(giai đoạn 2013 – 2017)

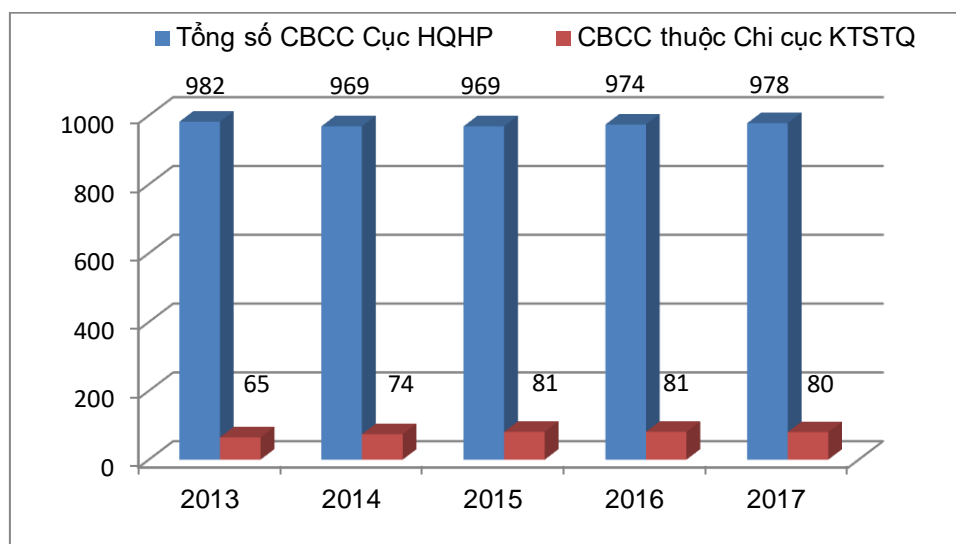
Từ số liệu trên cho thấy, biên chế của Chi cục KTSTQ có xu hướng tăng trong các năm từ 2013 đến 2017. Số lượng cán bộ làm công tác KTSTQ tại cục Hải quan Hải Phòng là 80 người, chiếm tỷ lệ 8,18 % trên tổng số cán bộ công chức toàn Cục, cụ thể:

Năm 2013 số cán bộ công chức KTSTQ là 65 người chiếm tỷ lệ 6,62%; Năm 2014 là 74 người chiếm tỷ lệ 7,64%; Năm 2015 là 81 người chiếm tỷ lệ 8,36%; Năm 2016 là 81 người chiếm tỷ lệ 8,32%; Năm 2017 là 80 người chiếm tỷ lệ: 8,18%.

Cán bộ làm công tác KTSTQ về trị giá hải quan tại Chi cục KTSTQ chủ yếu từ hai nguồn: tuyển dụng mới và điều chuyển, luân chuyển từ các Phòng ban, Chi cục bộ phận nghiệp vụ khác.

Số lượng công chức làm công tác KTSTQ về trị giá chuyên trách tại Cục không cụ thể và không có số liệu thống kê rõ ràng, mà số lượng được thể hiện trong số lượng chung của lực lượng KTSTQ đã phân tích ở trên.

Đơn vị tính: Người



Biểu đồ 2. 3: Công chức Hải quan và công chức KTSTQ tại Cục

Công tác luân chuyển cán bộ làm công tác KTSTQ cũng được triển khai theo quy định trong quy chế bắt buộc phải luân chuyển vị trí theo định kỳ theo quy định của ngành Hải quan bao gồm cả luân chuyển cán bộ theo tính chất công việc và luân chuyển cán bộ theo địa bàn công tác. Tính chất đặc thù của công tác KTSTQ về TGHQ ngoài những kiến thức nghiệp vụ thông thường còn cần có tính chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, ngân hàng, ngoại thương..v.v. nên việc luân chuyển cán bộ đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc ổn định của lực lượng KTSTQ về trị giá hải quan ở cả cấp Cục và cả cấp Chi cục.

Phần lớn cán bộ KTSTQ tại Chi cục được luân chuyển từ các Phòng ban, Chi cục, bộ phận nghiệp vụ khác, do đã trải qua các nghiệp vụ hải quan khác nhau nên có ít nhiều kinh nghiệm và do tính chất nghiệp vụ yêu cầu. Người có thời gian công tác tại Chi Cục KTSTQ ngắn nhất chỉ là 1 năm. Hầu hết các cán bộ chỉ về Chi cục KTSTQ dưới 3 năm đã luân chuyển.

Trong vấn đề chuyên môn nghiệp vụ, từ năm 2013, Tổng Cục Hải quan đã tập trung cho vấn đề đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ công chức làm

công tác KTSTQ, trong đó đặc biệt quan tâm đến nghiệp vụ chuyên sâu về trị giá hải quan. Trong 05 năm từ năm 2013- 2017, Chi cục KTSTQ cử gần 50 lượt người đi đào tạo các khóa học và bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức hải quan làm công tác KTSTQ về TGHQ về các nghiệp vụ chuyên sâu như kế toán, chứng từ thương mại, chứng từ thanh toán, kiểm tra phát hiện chứng từ giả, nghiệp vụ điều tra.

Đến thời điểm năm 2017, tại cấp Chi cục KTSTQ đáp ứng 100% cán bộ làm công tác KTSTQ về TGHQ có trình độ đại học, 100% có trình độ kế toán phổ cập, 100% được phổ cập kiến thức thương mại, chứng từ thương mại, thanh toán quốc tế, tuy nhiên, những lĩnh vực như kiểm toán, nghiệp vụ điều tra... thì vẫn còn đạt tỷ lệ rất thấp. Tỷ lệ tuyển dụng cán bộ KTSTQ đáp ứng yêu cầu về chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán còn chưa cao.

Tỷ lệ số cán bộ công chức KTSTQ về TGHQ có trình độ thành thạo về các nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho công tác kiểm tra về trị giá cũng có sự thay đổi, làm ảnh hưởng đến nghiệp vụ chuyên môn trong công tác của các cán bộ công chức mà một phần nguyên nhân là do sự luân chuyển cán bộ như đã đề cập ở trên.

Với xu hướng phát triển của KTSTQ trong thời gian tới, có thể thấy rằng, số lượng và chất lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của công tác KTSTQ về trị giá trong giai đoạn hiện tại và trong những năm sắp tới là một trong những vấn đề cấp thiết và quan trọng của lực lượng KTSTQ nói chung và lực lượng KTSTQ về TGHQ nói riêng.

2.3.2 Thực trạng triển khai công tác Kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá tại Cục Hải quan TP Hải Phòng

2.3.2.1 Giai đoạn trước năm 2015 (trước khi thực hiện Luật Hải quan 2014):

Xu thế toàn cầu hoá, thương mại quốc tế ngày càng phát triển như hiện nay, các ràng buộc rào cản về quản lý ảnh hưởng đến hoạt động thương mại

dần được dỡ bỏ. Chính điều này đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa nhưng cũng đã kích thích các hoạt động gian lận thương mại trên mọi lĩnh vực phát triển. Cùng chung với đó gian lận thương mại về trị giá tính thuế qua hoạt động xuất nhập khẩu của người khai hải quan cũng theo đó ngày càng tinh vi khó kiểm soát. Ngành Hải quan cũng đã nhận thức rõ điều này và từ đó đặt ra yêu cầu đòi hỏi cơ quan hải quan phải thay đổi gì để thích ứng với công tác quản lý để “vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong hoạt động XNK vừa đảm bảo kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả”.

Năm 2014, Công tác KTSTQ về trị giá được là thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 1, Thông tư 29/2014/TT-BTC. Thời điểm này việc kiểm tra sâu đối với lĩnh vực trị giá chỉ tập trung tại một đầu mối là Đội Kiểm tra sau thông quan về trị giá (Đội 1) thuộc Chi cục KTSTQ. Công tác KTSTQ về trị giá chủ yếu dựa trên thông tin ở các phiếu chuyển nghiệp vụ từ các Chi cục HQ cửa khẩu chuyển về. Do vậy, hàng ngày CBCC phải giải quyết một khối lượng công việc rất lớn để phân tích, xử lý thông tin để thực hiện kiểm tra.

Để giải quyết công việc Lãnh đạo đơn vị cũng đã đề ra một số giải pháp tập trung trọng điểm vào 3 nhóm công việc để xử lý như:

- Phân loại và thu thập, xử lý thông tin từ các Phiếu chuyển nghiệp vụ do các đơn vị trực thuộc Cục gửi đến (áp.dụng.nguyên.tác.quản.lý.rủi.ro: cho rà soát phân loại lần 1 sau đó giao cho CBCC thừa hành tiếp tục kiểm tra, phân loại lựa chọn những hồ sơ có mặt hàng trọng điểm về trị giá để tiến hành KTSTQ).

- Thu thập thông tin từ các chênh lệch về giá khác từ các hệ thống thông tin của Ngành giao cho từng nhóm CBCC phụ trách theo địa bàn để quản lý;

- Thu thập và xử lý thông tin từ nguồn thông tin rà soát các lô hàng luồng xanh.

Với phương án xử lý tập trung cao vào các mặt hàng trọng điểm về trị giá (có số thu thuế lớn, nằm trong danh mục QLRR của Tổng cục) kiểm tra theo chuyên đề định sẵn, phát huy năng lực sở trường của một số CBCC có kinh nghiệm kiểm tra theo mặt hàng để làm trưởng nhóm; thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, hỗ trợ lẫn nhau để làm việc.

Tuy nhiên, trên thực tế cho thấy đơn vị có áp dụng quản lý rủi ro nhưng chưa triệt để trong việc giải quyết những phát sinh theo nghi vấn về giá của các Phiếu chuyển nghiệp vụ do các Chi cục Hải quan chuyển về. Ngoài những vấn đề vướng mắc phát sinh về nội dung nghi vấn chưa được trao đổi kịp thời với CBCC ở khâu thông quan do địa bàn cách xa nhau. Cùng thời gian này, ngành Hải quan đang triển khai đồng bộ dự án Vnaccs/Vcis và thực hiện nâng cấp hệ thống quản lý giá tính thuế GTT02 và hệ thống thông tin phục vụ KTSTQ và quản lý rủi ro (STQ01). Trong thời kỳ đầu triển khai khi chưa được hướng dẫn, CBCC của Chi cục hoàn toàn tự tìm tòi khai thác để kết xuất dữ liệu phục vụ công tác thu thập thông tin. Mặt khác, việc khai thác dữ liệu trên chương trình Vics rất chậm. Thường trong giờ hành chính rất khó khai thác thông tin, việc này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ các cuộc KTSTQ.

2.3.2.2 Giai đoạn từ năm 2015 đến nay:

So với Luật Hải quan 2001 sửa đổi bổ sung năm 2005, các quy định của Luật Hải quan 2014 đã đưa thẩm quyền thực hiện KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan đến cấp Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp mở tờ khai đối với những trường hợp có nghi vấn trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tờ khai được thông quan. Lực lượng KTSTQ không chỉ có Chi cục KTSTQ-Cục Hải quan Hải Phòng, mà còn được mở rộng đến các Chi cục Hải quan cửa khẩu, ngoài cửa khẩu trực thuộc Cục Hải quan Hải Phòng.

Chi.cục KTSTQ đã tham mưu cho Cục Hải quan Hải Phòng ban hành văn bản chỉ đạo mang tính định hướng cho các Chi cục Hải quan trực thuộc thực hiện như:

Trong lĩnh vực trị giá, tập trung KTSTQ đối với các lô hàng XNK thuộc luồng xanh có nghi vấn về giá trong thời hạn 60 ngày. Tổ chức KTSTQ về trị giá đối với các lô hàng có nghi vấn về trị giá tính thuế theo quy định tại Tiết a, c Khoản 2, Điều 21 Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

Về mô hình tổ chức: Chi cục HQ cửa khẩu cảng Hải Phòng (Khu vực 1,2,3 và Hải quan Đình Vũ) bố trí nhóm từ 3 đến 4 công chức trực thuộc Đội quản lý thuế chuyên trách làm công tác KTSTQ; đối với các Chi cục (HQ đầu tư gia công, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Khu CX-KCN) bố trí nhóm từ 2 đến 3 công chức trực thuộc Đội tổng hợp chuyên trách làm công tác KTSTQ.

Chi cục KTSTQ đã hỗ trợ các chi cục Hải quan cửa khẩu triển khai công tác KTSTQ: Đối với Chi cục HQ cửa khẩu cảng Hải Phòng chủ yếu được yêu cầu hỗ trợ KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế; các chi cục hải quan ngoài cửa khẩu chủ yếu được yêu cầu hỗ trợ KTSTQ trong lĩnh vực Gia công SXKK.

Tham mưu cho Cục Hải quan Hải Phòng trong việc xây dựng việc luân chuyển theo dõi hồ sơ trong công tác quản lý, kiểm tra về trị giá tính thuế giữa các khâu nghiệp vụ với mục tiêu đảm bảo quản lý thống nhất về trị giá hải quan trong toàn Cục.

Sau một thời gian triển khai thực hiện công tác KTSTQ nói chung và KTSTQ trong lĩnh vực trị giá nói riêng, một số quy định của Luật Hải quan 2014 và các văn bản dưới luật về KTSTQ bộc lộ một số vướng mắc:

Thứ nhất là, Luật Hải quan 2014 chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của công chức hải quan trong KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan. Việc chưa có quy định này không đảm bảo tính minh bạch của pháp luật trong quá trình thực hiện KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan.

Thứ hai là, quy định hạn chế về đối tượng KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan không phản ánh đúng bản chất của công tác KTSTQ và gây khó

khẩn trong quá trình thực hiện. Cơ quan hải quan chỉ được yêu cầu cung cấp chứng từ thương mại và một số chứng từ thuộc hồ sơ hải quan mà không được yêu cầu cung cấp chứng từ, sổ sách kế toán. Quy định này có ưu điểm là tạo thuận lợi cho người khai hải quan... Nhưng lại có nhược điểm, mâu thuẫn với chính quy định về KTSTQ là kiểm tra hồ sơ hải quan, chứng từ sổ sách kế toán của doanh nghiệp, không thể hiện đúng bản chất kiểm tra (kiểm toán) của KTSTQ phải đi từ hệ thống sổ sách của doanh nghiệp để tìm ra chân dung tổng thể về quá trình giao dịch.

Thực tế việc thực hiện KTSTQ về trị giá đối với tờ khai có dấu hiệu nghi vấn trong vòng 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan chưa đạt hiệu quả cao. Tình trạng doanh nghiệp lợi dụng khai thấp giá hàng nhập khẩu để trốn thuế. Để che giấu hành vi vi phạm các doanh nghiệp hợp thức hóa hồ sơ và đối phó với cơ quan Hải quan, doanh nghiệp móc nối với các đối tác nước ngoài lập hợp đồng mua bán, chứng từ thanh toán không đúng với thực tế để gian lận qua giá. Hành vi này rất khó phát hiện và đấu tranh bác bỏ trị giá khai báo.

Thứ ba là, trong trường hợp KTSTQ đối với tờ khai có nghi ngờ về trị giá, theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 1/4/2015 và các quy định về KTSTQ tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, trong quá trình kiểm tra ở khâu thông quan, nếu có nghi vấn giá mà người khai hải quan không yêu cầu tham vấn thì chuyển KTSTQ. Do đó, phát sinh trường hợp có những mặt hàng liên tiếp rơi vào nghi vấn giá do thấp hơn giá trong Danh mục rủi ro về giá do Tổng cục Hải quan ban hành, cho dù cùng nhà xuất nhập khẩu, cùng hợp đồng mua bán và kết quả KTSTQ trước đó cơ quan Hải quan đã chấp nhận giá khai báo. Trong trường hợp này việc KTSTQ chỉ còn mang tính hình thức để đáp ứng theo đúng quy định, nhưng thực chất không đem lại hiệu quả quản lý, làm lãng phí thời gian, công sức của cả doanh nghiệp và cơ quan Hải quan.

2.3.3 Kết quả đạt được của công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng

2.3.3.1 Số cuộc KTSTQ về trị giá hải quan.

Do sự gia tăng nhanh chóng về số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu đã tạo sức ép phải thông quan nhanh hàng hóa, số hồ sơ đã được kiểm tra khi thông quan cũng chưa được kiểm tra đầy đủ, chi tiết nên vẫn cần thiết phải được KTSTQ. Với tình hình đó, giai đoạn 2013 - 2017, được coi là bước ngoặt mới đối với lực lượng KTSTQ, và đây chính là một trong những thời cơ để số lượng các cuộc kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan không ngừng gia tăng trong sự gia tăng chung về quy mô KTSTQ.

Sự gia tăng số cuộc KTSTQ về TGHQ được thể hiện thông qua số liệu thống kê chung về số cuộc KTSTQ giai đoạn 2013-2017 (xem Bảng 2.6)

Bảng 2. 6: Số lượng cuộc KTSTQ và KTSTQ về TGHQ

Đơn vị tính: Cuộc kiểm tra

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số cuộc KTSTQ	618	658	696	1718	1381
Tổng số cuộc KTSTQ về TGHQ	497	529	560	1377	1108
- Số cuộc KTSTQ về TGHQ được thực hiện tại trụ sở quan Hải quan	461	492	521	1289	1036
- Số cuộc KTSTQ về TGHQ được thực hiện tại trụ sở DN	36	37	39	88	72

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục KTSTQ Hải Phòng

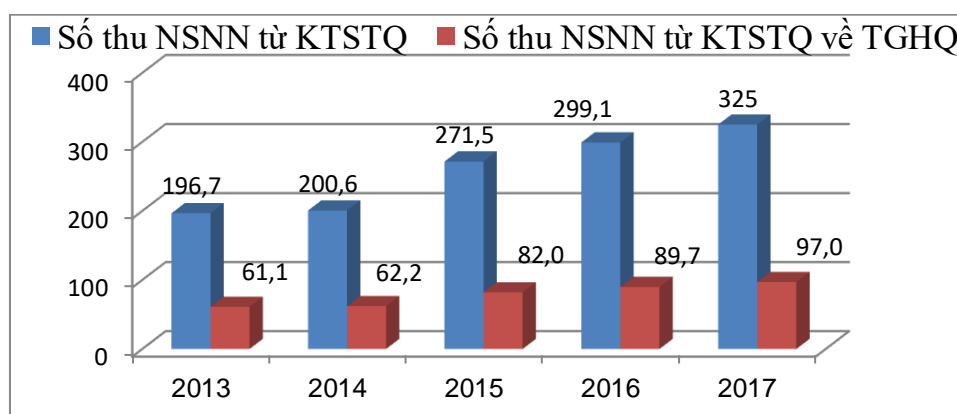
Qua bảng số liệu trên cho thấy, tổng số cuộc KTSTQ về TGHQ tăng lên hàng năm kể cả KTSTQ về TGHQ tại trụ sở doanh nghiệp cũng như KTSTQ về TGHQ tại cơ quan hải quan. Nếu năm 2013, số cuộc KTSTQ về TGHQ thực hiện được là 497 cuộc thì đến năm 2017 đã là 1108 cuộc, như vậy sau 5 năm, số cuộc KTSTQ đã tăng lên hơn 2 lần. Số cuộc KTSTQ tại cơ

quan hải quan tăng lên đáng kể trong những năm gần đây, với năm 2013 là 461 cuộc, năm 2017 là 1036 cuộc. Số cuộc kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp cũng có chiều hướng tăng nhưng còn thấp, (xem bảng 2.6). Trong đó, năm 2013 số cuộc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp là 36 cuộc, thì năm 2017 tăng lên 72 cuộc. Số cuộc KTSTQ về trị giá hải quan tăng lên hàng năm, đáp ứng một phần yêu cầu tăng cường chống gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu.

2.3.3.2 Thu NSNN từ KTSTQ về TGHQ

Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN lực lượng KTSTQ về TGHQ đã đạt được những số thu khả quan qua các cuộc KTSTQ. Số tiền thuế thu được cũng tăng lên tương ứng với số lượng tăng lên của các cuộc KTSTQ về TGHQ tăng lên trong các năm. Giai đoạn từ 2013- 2017, số thu NSNN Chi cục được thể hiện qua Biểu đồ 2.4 dưới đây:

Đơn vị tính: tỷ đồng



Biểu đồ 2. 4: Số thu NSNN từ KTSTQ và KTSTQ về trị giá

Với kết quả về số thu của lực lượng KTSTQ tăng đều hàng năm, trong giai đoạn 2013- 2017, số thuế truy thu trung bình là 258 tỷ đồng, đặc biệt trong những năm gần đây số thuế thu tăng lên cao hơn nhiều so với những năm đầu mới triển khai nghiệp vụ KTSTQ: năm 2013 thu 196,7 tỷ đồng, năm 2014 thu 200,6 tỷ đồng, năm 2015 thu 271,5 tỷ đồng; năm 2016 thu 299,1 tỷ đồng; năm 2017 thu 325 tỷ đồng. Trong đó, theo báo cáo số thuế từ KTSTQ

về TGHQ đã nộp NSNN trong giai đoạn 2013 - 2017 lần lượt là: 61,1 tỷ đồng, 62,2 tỷ đồng, 82 tỷ đồng, 89,7 tỷ đồng, 97 tỷ đồng. Số thu trên chưa kể số thu do lực lượng kiểm tra sau thông quan phát hiện giao lại hải quan các cửa khẩu thu chưa thống kê được.

Bảng 2. 7: Số thu NSNN từ KTSTQ và KTSTQ về trị giá

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Số thu NSNN từ KTSTQ	196,7	200,6	271,5	299,1	325
Số thu NSNN từ KTSTQ về TGHQ	61,1	62,2	82,0	89,7	97,0
- Số thu từ KTSTQ về TGHQ tại cơ quan Hải Quan	55,3	56,6	72,9	77,3	82,9
- Số thu từ KTSTQ về TGHQ tại Doanh nghiệp	5,8	5,6	9,1	12,4	14,1

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục KTSTQ Hải Phòng

Như vậy, Số thu NSNN từ KTSTQ về TGHQ liên tục tăng đã góp phần tăng thu trong nhiệm vụ thu NSNN.

Có được kết quả này là do Chi cục đã chủ động kiểm soát được tình hình gian lận thương mại qua giá, chính sách thuế đối với các DN làm thủ tục tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng. Nâng cao tính tuân thủ pháp luật của DN góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách của Cục Hải quan TP. Hải Phòng.

Qua công tác kiểm tra sau thông quan Chi cục kiểm tra sau thông quan đã đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp, hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu giúp doanh nghiệp hiểu đúng, khắc phục các sai sót để nâng cao việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế từ đó tạo được sự đồng thuận từ phía doanh

nghiệp về công tác kiểm tra sau thông quan, được cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc đánh giá cao.

Để đánh giá chính xác hơn về hiệu quả công tác KTSTQ về trị giá Hải quan tại chi cục, cần phân tích sâu hơn về mối quan hệ giữa số thu ngân sách trên mỗi cuộc KTSTQ và số thu ngân sách trên mỗi cuộc KTSTQ về TGHQ (xem bảng 2.8).

Qua bảng 2.8 cho thấy, mặc dù số cuộc KTSTQ về TGHQ chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số cuộc điều tra nhưng số thu về thuế lại chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số thu từ hoạt động KTSTQ.

Trong giai đoạn 2013 – 2017, trung bình cứ một cuộc KTSTQ thu được 0,28 tỷ đồng thì hoạt động KTSTQ về trị giá thu được 0,11 tỷ đồng/cuộc kiểm tra. Bên cạnh đó, mỗi cuộc KTSTQ về TGHQ tại cơ quan hải quan trung bình thu được 0,1 tỷ đồng, thì con số này tại trụ sở doanh nghiệp là 0,18 tỷ đồng.

Bảng 2. 8: Số thu NSNN trên mỗi cuộc kiểm tra

Đơn vị tính: tỷ đồng/cuộc

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Số thu NSNN từ KTSTQ/cuộc kiểm tra	0,32	0,30	0,39	0,17	0,24
Số thu NSNN từ KTSTQ về TGHQ/cuộc kiểm tra	0,12	0,12	0,15	0,07	0,09
- Số thu từ KTSTQ về TGHQ tại cơ quan Hải Quan/cuộc kiểm tra	0,12	0,12	0,14	0,06	0,08
- Số thu từ KTSTQ về TGHQ tại Doanh nghiệp/cuộc kiểm tra	0,16	0,15	0,23	0,14	0,20

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục KTSTQ Hải Phòng

Qua số liệu trên cho thấy, mặc dù số cuộc kiểm tra ít hơn nhưng hiệu quả của công tác KTSTQ về TGHQ tại các doanh nghiệp cao hơn so nhiều với hiệu quả của công tác KTSTQ về TGHQ tại cơ quan hải quan.

Vì vậy, trong thời gian tới, Chi cục nên tăng cường công tác kiểm tra tại trụ sở các doanh nghiệp vừa góp phần nâng cao hiệu quả công tác thanh kiểm tra, vừa giảm số lượng các cuộc kiểm tra, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp.

2.3.3.3 Số lượng doanh nghiệp tuân thủ

KTSTQ nói chung và KTSTQ về TGHQ nói riêng là hoạt động tích cực không chỉ cho hải quan mà cho cả doanh nghiệp; vừa giúp hải quan tăng cường quản lý, thu đủ và tránh bỏ lọt các nguồn thu của NSNN vừa giúp doanh nghiệp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật. Trên thực tế, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp là mục đích chính của công tác KTSTQ, được đặt trên cả mục đích thu thuế cho NSNN. Giai đoạn 2013 - 2017 được đánh giá là giai đoạn khá thành công, tạo được chuyển biến vượt bậc, tạo một cú hích rất mạnh vào hoạt KTSTQ về TGHQ làm số thu NSNN tăng mạnh thì bên cạnh đó tiêu chí nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật hải quan cũng được chú trọng hơn trước.

Hàng năm, lực lượng KTSTQ tại Chi cục đều có kế hoạch thực hiện KTSTQ để đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong kế hoạch chung của KTSTQ. Kiểm tra theo kế hoạch được cơ quan Hải quan kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp theo kế hoạch được xác định trong từng năm. Mỗi năm đều có số lượng doanh nghiệp xác định được kiểm tra và việc kiểm tra này phải dựa trên những tiêu chí nhất định của Tổng Cục Hải quan ban hành.

Qua thực tế, có thể thấy tổng số doanh nghiệp được kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật tăng mạnh theo các năm, cụ thể (Bảng 2.7)

Bảng 2. 9: Kết quả đánh giá doanh nghiệp tuân thủ pháp luật HQ

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm		2013	2014	2015	2016	2017
Tốt	SL (DN)	19	28	54	97	127
	Tỷ lệ (%)	33,93	40,58	47,37	50,79	52,26

Trung bình	SL (DN)	23	18	34	62	74
	Tỷ lệ (%)	41,07	26,09	29,82	32,46	30,45
Chưa tốt	SL (DN)	14	23	26	32	42
	Tỷ lệ (%)	25,00	33,33	22,81	16,75	17,28
Tổng cộng	SL (DN)	56	69	114	191	243
	Tỷ lệ (%)	100	100	100	100	100

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục KTSTQ Hải Phòng

Kết quả cho thấy: Trong năm 2017, lực lượng KTSTQ đã kiểm tra, đánh giá được 243 doanh nghiệp, gấp hơn 4 lần so với năm 2013.

Không chỉ gia tăng về số lượng các doanh nghiệp được kiểm tra, mà số tỷ lệ các doanh nghiệp được đánh giá tuân thủ tốt pháp luật Hải quan cũng gia tăng. Năm 2013 tỷ lệ các doanh nghiệp được đánh giá là tuân thủ tốt đạt 33,3% thì năm 2017 con số này đã tăng lên 52,3%, đây là một kết quả đáng khích lệ của lực lượng KTSTQ khi triển khai các chuyên đề như: Chuyên đề về hàng gia công, SXXK; Chuyên đề tàu biển; Chuyên đề giá ô tô, hàng điện tử; Chuyên đề thuế tự vệ của thép cốt bê tông, phôi thép; Chuyên đề KTSTQ đối với MMTB NK theo loại hình máy chính; MMTB đã qua sử dụng từ TQ. Bên cạnh đó lực lượng KTSTQ cũng tích cực trong công tác nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, tiêu biểu như Công ty TNHH LG Electronic Việt Nam; Công ty TNHH Fuji Xerox Việt Nam.

Tuy nhiên, Hành vi gian lận thương mại vẫn diễn ra chủ yếu là các vi phạm về thủ tục, về khai báo: Khai, nộp hồ sơ Hải quan không đúng thời hạn quy định; không nộp đúng thời hạn chứng từ thuộc diện được chậm nộp theo quy định; không khai, khai sai tên hàng, số lượng hàng, chủng loại, thuế suất hàng hoá dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp. Số lượng hàng hóa quá hạn làm thủ tục hải quan nằm tại các cảng biển vẫn còn tồn tại, chủ yếu thuộc loại hình tạm nhập- tái xuất.

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát, đã phát hiện nhiều vụ việc vi phạm pháp luật về Hải quan với phương thức thủ đoạn mới, trong đó đã khởi tố 05 vụ việc có dấu hiệu hình sự về tội buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa thuộc danh mục cites qua biên giới.

Việc phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn luôn là hoạt động thường xuyên, liên tục. Cục chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng như cơ quan Công an, Cảnh sát biển để triển khai biện pháp nghiệp vụ cơ bản, thu thập, chia sẻ thông tin và đã thu được những kết quả nhất định công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

2.3.3.4 Ngăn chặn gian lận thương mại qua trị giá hải quan

KTSTQ về TGHQ còn nhiều hạn chế trong việc ngăn chặn gian lận thương mại qua trị giá hải quan, bằng chứng là gian lận về giá hiện nay vẫn rất phổ biến, phức tạp và chưa có dấu hiệu bị đẩy lùi.

Trên thực tế, hàng nhập khẩu có thuế suất cao thì được doanh nghiệp khai với giá thấp hoặc hàng nhập khẩu có thuế suất thấp thì được khai với giá cao, hoặc những trường hợp ghi giá hóa đơn thấp hơn trị giá thực và không khai báo đầy đủ các khoản điều chỉnh giá ví dụ như các khoản phải cộng trong trị giá, như phí bản quyền, phí vận chuyển chặng nội địa... luôn là xu hướng gian lận qua trị giá phổ biến hiện nay của các doanh nghiệp nhập khẩu. Với mặt hàng rượu vang nhập khẩu, các doanh nghiệp khai báo với giá là 1,8 eur/chai nhưng thực chất qua tham vấn hải quan, xác định trị giá thực tế là 5,8 eur/chai (gấp 3 lần so với khai báo). Một số mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu thường được khai thấp trị giá xuống rất nhiều lần. Ngoài việc doanh nghiệp khai báo tên hàng không đúng thì một số trường hợp, doanh nghiệp khai tên hàng gần so với tên hàng có trong cơ sở dữ liệu giá của cơ quan hải quan, nhưng lại khai báo giá thấp một cách bất hợp lý nhưng cơ quan Hải quan không có đầy đủ thông tin để so sánh, đối chiếu, thiếu căn cứ để bác bỏ trị giá khai báo thấp, bất hợp lý của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp nhập khẩu

có tình khai giá nguyên liệu nhập khẩu rất thấp và chỉ qua quá trình gia công đơn giản như đóng gói bán lẻ, bổ sung thêm số thành phần như hương liệu để tạo ra sản phẩm thay thế sản phẩm chính cần nhập khẩu.

Nếu trước kia, hành vi gian lận về trị giá chỉ xuất hiện ở hàng nhập khẩu thì thời gian gần đây, gian lận về trị giá hải quan đối với mặt hàng xuất khẩu có sự gia tăng. Một trong những nguyên nhân về gian lận qua trị giá hàng xuất khẩu gia tăng là do có sự điều chỉnh về thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng. Thay vì được hưởng thuế suất 0% hoặc thuế suất ưu đãi thì thuế xuất khẩu của các mặt hàng này cũng được tăng lên.

Công tác KTSTQ về trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu đang trở nên phức tạp hơn khi chủng loại hàng hoá nhập khẩu ngày càng đa dạng. Khi phát hiện dấu hiệu gian lận thuế qua giá, thông thường KTSTQ về TGHQ phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ từ nhiều nguồn mà ở đó cần đến sự hợp tác hiệu quả của nhiều cơ quan hữu quan. Hậu quả là cơ quan Hải quan thường buộc phải chấp nhận giá khai báo như là trị giá giao dịch thực tế cho phần lớn hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh đó, việc KTSTQ về trị giá hải quan đối với những trường hợp chuyển giá hầu như là chưa có kết quả.

Khối lượng và kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ngày càng lớn nhưng thanh toán phổ biến vẫn dùng tiền mặt hoặc doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản để thanh toán, sử dụng hoá đơn không đáng tin cậy, không áp dụng các chuẩn mực kế toán và ghi chép sổ sách kế toán, không có địa chỉ kinh doanh cố định hoặc thường thay đổi tên doanh nghiệp. Trong những điều kiện như vậy, rất khó để áp dụng kiểm soát trị giá dựa trên KTSTQ về TGHQ

2.3.3.5 Công tác đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp tham gia xuất, nhập khẩu.

Một trong những mục tiêu của KTSTQ là nhằm tạo điều kiện thuận lợi và công bằng, bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Công bằng, bình đẳng ở đây được hiểu là giữa doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy

định của pháp luật và doanh nghiệp không chấp hành nghiêm các quy định. Kết quả đánh giá của KTSTQ sẽ là thước đo để phân loại hai đối tượng trên, trả lại sự công bằng cho các doanh nghiệp chấp hành đúng những quy định của pháp luật, đồng thời có hình thức xử phạt các doanh nghiệp có vi phạm, có những thủ đoạn gian lận, trốn thuế, gây thất thu ngân sách nhà nước. Do số cuộc KTSTQ về TGHQ còn đạt thấp nên chắc chắn còn khá nhiều doanh nghiệp vi phạm về khai báo trị giá không trung thực, nhưng do chưa kiểm tra phát hiện nên còn chưa bị xử phạt theo quy định.

Tất cả các cuộc kiểm tra dù được kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan hay tại trụ sở doanh nghiệp đều góp phần ngăn chặn hành vi gian lận tiếp theo của doanh nghiệp và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động KTSTQ về TGHQ tại trụ sở cơ quan Hải quan đang chiếm tỷ lệ lớn hơn kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả các cuộc kiểm tra sau thông quan về giá chưa cao. Việc kiểm tra sau thông quan một cách toàn diện từ khai báo hải quan đến các sổ sách, chứng từ kế toán, chứng từ thương mại .. tại trụ sở doanh nghiệp sẽ giúp đem lại những kết quả đáng tin cậy hơn cho cuộc kiểm tra. Với một số lượng nhỏ doanh nghiệp được kiểm tra trong thời gian vừa qua mà chủ yếu là tập trung kiểm tra tại trụ sở Hải quan nên kết quả của KTSTQ về TGHQ tại Chi cục còn hạn chế trong việc nâng cao tính tự giác chấp hành pháp luật và tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng của doanh nghiệp

2.4 Đánh giá chung về công tác KTST trong lĩnh vực TGHQ tại Cục Hải quan Hải Phòng

2.4.1 Điểm mạnh

- Trong giai đoạn 2013 - 2017, Cục Hải quan Hải Phòng đã triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm ngăn ngừa, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật hải quan cả ở khâu trước, trong và sau thông quan. Nâng cao hiệu quả lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan do đó tổng số cuộc KTSTQ về trị giá

hải quan tăng lên hàng năm, đáp ứng một phần yêu cầu tăng cường chống gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu;

- Công tác KTSTQ về TGHQ đã góp phần tăng thu trong nhiệm vụ thu NSNN trong toàn Cục, số thu từ KTSTQ nói chung và KTSTQ về TGHQ nói riêng tăng mạnh qua các năm;

- Công tác KTSTQ về TGHQ đảm bảo thực hiện theo quy trình và đạt hiệu quả bước đầu tương đối tốt;

- Công tác Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan đã đánh giá được việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, góp phần củng cố cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan.

2.4.2 Điểm yếu

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác KTSTQ về TGHQ vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như:

- Công tác KTSTQ về TGHQ so với yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra đạt được còn thấp cả về số lượng và chất lượng;

- Công tác KTSTQ về TGHQ còn nhiều hạn chế trong việc ngăn chặn gian lận thương mại qua trị giá hải quan;

- Công tác KTSTQ về TGHQ chưa đóng góp nhiều vào nhiệm vụ đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp tham gia xuất, nhập khẩu

2.4.3 Nguyên nhân.

Có nhiều nguyên nhân khiến tiến trình áp dụng KTSTQ về TGHQ đối với hàng hóa XNK không được như mong muốn. Một số trong những nguyên nhân chủ chốt là:

- Thứ nhất: Nhìn chung, cán bộ KTSTQ về TGHQ chưa đáp ứng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng so với yêu cầu của KTSTQ về TGHQ trong tình hình hiện nay và sắp tới.

Mặc dù hiện nay về chất lượng, tại Cục KTSTQ đã đáp ứng 100% trình độ đại học, tuy nhiên để đáp ứng chuyên môn về kiểm toán, các kỹ năng kiểm tra về chứng từ thương mại, chứng từ thanh toán, kiểm tra phát hiện chứng từ giả để phục vụ trong việc KTSTQ về TGHQ thì vẫn còn rất thấp mà nguyên nhân xuất phát từ hai lý do sau:

* Do khâu tuyển dụng và đào tạo không đảm bảo đầy đủ chất lượng theo yêu cầu nghiệp vụ KTSTQ về TGHQ.

Tính chuyên sâu trong chuyên môn nghiệp vụ của công tác KTSTQ về TGHQ được xem là lĩnh vực rất khó và có yêu cầu rất cao. Tuy nhiên, một số lượng công chức hải quan làm công tác KTSTQ về TGHQ tăng hàng năm chủ yếu là do tuyển dụng mới, đó là những người chưa có kinh nghiệm về KTSTQ về TGHQ. Thêm vào đó, việc bố trí cán bộ lãnh đạo, và cán bộ làm công tác KTSTQ về trị giá có một số trường hợp chưa đúng chuyên môn, chưa được đào tạo đầy đủ kiến thức về kinh tế, tài chính kế toán, kiểm toán hoặc ngoại thương nên đã gặp khó khăn trong khả năng xử lý nghiệp vụ của mỗi cuộc kiểm tra và là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm giảm chất lượng của các cuộc kiểm tra sau thông quan, nhất là kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan.

* Do cơ chế luân chuyển cán bộ còn chưa hợp lý. Việc luân chuyển cán bộ không mang tính kế thừa mà còn mang nặng tính chủ quan, máy móc, cứng nhắc. Theo quy định, cán bộ hải quan là cán bộ nằm trong quy chế bắt buộc phải luân chuyển vị trí theo định kỳ nhằm hạn chế các hiện tượng tiêu cực xảy ra. Tuy nhiên, do đặc thù của công tác KTSTQ về trị giá cần có tính chuyên sâu nên việc luân chuyển cán bộ làm công tác giá phải yêu cầu tính kế thừa để đảm bảo chất lượng về nghiệp vụ chuyên môn. Mặc dù vậy, tại các địa phương nhiều cán bộ đang làm công tác kiểm tra trị giá có trình độ chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu, nhưng sau một thời gian ngắn đã phải chuyển

sang các bộ phận khác theo quy chế chung, mà không tính đến tính kế thừa và tính chuyên sâu của công việc.

Một số cán bộ làm công tác KTSTQ về TGHQ còn có những hạn chế về kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn. Điều này được thể hiện qua chất lượng các cuộc kiểm tra còn rất nhiều sai sót...

Bên cạnh đó, việc tự đào tạo cán bộ chuyên về kiểm tra trị giá trong nội bộ còn yếu, đa số phụ thuộc kế hoạch đào tạo của Tổng cục, việc cử cán bộ đi học còn mang tính hình thức chưa đúng đối tượng trực tiếp làm công tác KTSTQ về trị giá. Cơ chế đãi ngộ chưa khuyến khích và động viên được công chức hải quan làm công tác KTSTQ về TGHQ, chưa phù hợp để có thể khuyến khích công chức hải quan hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thứ hai: Còn bộc lộ nhiều hạn chế ở từng khâu công việc trong quá trình thực hiện quy trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan.

Quy trình KTSTQ ban hành kèm theo Quyết định 1410/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan ngày 14 tháng 05 năm 2015. Theo đó, quy trình KTSTQ về TGHQ bao gồm các bước sau:

- Thu thập thông tin từ các cơ sở dữ liệu trong hồ sơ hải quan và các nguồn thông tin khác.
- Tổng hợp phân tích thông tin để lựa chọn đối tượng kiểm tra (qua dấu hiệu hoặc theo kế hoạch);
- Kiểm tra tại trụ sở hải quan;
- Yêu cầu đối tượng và đơn vị làm thủ tục thông quan giải trình về những vấn đề chưa rõ, nghi vấn (chủ yếu là nghi vấn nộp thiếu thuế);
- Nếu đối tượng giải trình rõ được các nghi vấn thì kết thúc kiểm tra, lưu hồ sơ, nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình quản lý tiếp theo (cả cho khâu thông quan, chống buôn lậu, KTSTQ);
- Nếu giải trình vẫn không rõ thì thực hiện xác minh. Nếu kết quả xác minh đã làm rõ được các nghi vấn thì kết thúc kiểm tra, lưu hồ sơ, nhập thông

tin vào cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình quản lý tiếp theo (cả cho khâu thông quan, chống buôn lậu, KTSTQ);

- Nếu kết quả giải trình, xác minh không làm rõ được các khoản thuế còn thiếu thì ra quyết định truy thu. Nếu doanh nghiệp chấp hành nộp thuế thì kết thúc việc kiểm tra, lưu hồ sơ, nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu; nếu doanh nghiệp không chấp hành quyết định truy thu thì quyết định KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp. Thực hiện KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp, cán bộ thực hiện đề nghị doanh nghiệp cung cấp, xuất trình hồ sơ hải quan lưu tại doanh nghiệp, sổ kế toán, chứng từ kế toán, hồ sơ thanh toán và các tài liệu có liên quan để thực hiện kiểm tra

Như vậy, với tóm lược quy trình trên cũng cho thấy hai vấn đề quan trọng có thể quyết định sự thành công của một cuộc KTSTQ về trị giá hải quan. Đó là:

*) Vấn đề xử lý thông tin liên quan đến cuộc KTSTQ đang kiểm tra.

Theo quy trình hiện hành thì KTSTQ thường bắt đầu từ KTSTQ tại trụ sở hải quan dựa trên cơ sở phân tích thông tin. Chỉ khi KTSTQ tại trụ sở hải quan không khẳng định được kết luận thì tiến hành KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp. Như vậy, nắm được đầy đủ thông tin và xử lý thông tin là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của một cuộc kiểm tra sau thông quan về trị giá Hải quan.

Có thể thấy rằng, hệ thống thông tin dữ liệu giá và việc thu thập, khai thác, quản lý và sử dụng thông tin dữ liệu giữa Tổng cục và Cục Hải quan và các Chi cục là điểm then chốt nhất, quan trọng nhất có tính quyết định trong công tác kiểm tra, xác định trị giá theo Hiệp định Trị giá Hải quan GATT/WTO. Tuy nhiên cho đến nay, công việc đó chưa phục vụ đắc lực và hiệu quả cho công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan. Các thông tin về hàng hóa nhập khẩu, về mức giá xác định sau tham vấn, mức giá của một số mặt hàng nhập khẩu giống hệt/ tương tự chuyển vào hệ thống cơ sở dữ

liệu giá chưa đầy đủ, chưa kịp thời; đã làm ảnh hưởng đến độ chính xác của dữ liệu khi sử dụng.

Như vậy, việc thiếu những thông tin quan trọng đã khiến cán bộ kiểm tra sau thông quan không có thông tin để tiến hành xác định chính xác trị giá hải quan của hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

*) Trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ trong quá trình kiểm tra sau thông quan, đặc biệt là giai đoạn kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp là còn nhiều hạn chế.

Với một quy trình KTSTQ đã được ban hành như hiện nay, trong thời gian quy định là 05 ngày làm việc đối với trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan; trường hợp tiếp tục kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp, cơ quan hải quan ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Về vấn đề này, như đã phân tích ở trên, một số cán bộ làm công tác KTSTQ về trị giá hải quan chưa đáp ứng đầy đủ những kiến thức và kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, ngân hàng, ngoại thương..., một số trường hợp chưa có sự chuẩn bị thông tin đầy đủ, kịp thời thì không thể tiến hành thành công cuộc KTSTQ đạt kết quả tốt. Cũng vì vậy, cho nên trong thực tế, phần nhiều là cán bộ KTSTQ chấp nhận giá mà doanh nghiệp đã khai báo.

Thứ ba: Cơ chế phối kết hợp trong quá trình KTSTQ về TGHQ ở phạm vi trong và ngoài ngành Hải quan còn chưa tốt.

Trong quá trình thực hiện KTSTQ về TGHQ, cơ chế phối kết hợp để hỗ trợ chuyên môn, chuyên sâu khi KTSTQ là rất quan trọng. Trên thực tế, dựa trên quy chế làm việc của Tổng cục Hải quan, các đơn vị trong quá trình thực hiện nghiệp vụ KTSTQ đã có sự phối hợp tương đối tích cực theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên trong các văn bản hướng dẫn chưa thể hiện cụ thể, mối quan hệ phối hợp vẫn còn bỏ ngõ.

Thứ tư: Công tác tham vấn để kiểm tra trị giá hải quan chưa được chú trọng trong công tác KTSTQ về TGHQ.

Khi có nghi ngờ về trị giá khai báo trong quá trình thông quan, với sự chấp thuận của Chi cục trưởng Hải quan, công chức hải quan được tổ chức tham vấn để kiểm tra trị giá hải quan. Tham vấn trị giá, về cơ bản là tìm cách xác minh thẩm định tính trung thực, chính xác của trị giá khai báo. Trong trường hợp xác định được rằng, trị giá khai báo là không trung thực, không phản ánh đúng thực tế thương mại, không phải giá thực thanh toán của hàng hóa đó, mà là một mức giá khác thì cơ quan hải quan có thể bác bỏ trị giá khai báo, yêu cầu người khai hải quan xác định lại hoặc công chức Hải quan xác định rồi ấn định mức giá. Do vậy, mức thuế thu được từ doanh nghiệp sẽ không phải là mức thuế mà doanh nghiệp đã tính toán khi khai báo ban đầu. Đó phải là số thuế phản ánh chính xác hơn nghĩa vụ về kinh tế của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước khi tham gia kinh doanh nhập khẩu hàng hóa. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, tham vấn giá giúp phát hiện các trường hợp chuyển giá của các công ty đa quốc gia hoặc các tổ chức tội phạm rửa tiền quốc tế.

Với xu hướng chủ yếu là “hậu kiểm” với 90% lượng hàng hóa nhập khẩu sẽ phải KTSTQ trong những năm gần đây, thì việc tham vấn giá chỉ tập trung ở khâu thông quan đã là một hạn chế trong công tác KTSTQ nói chung và KTSTQ về TGHQ nói riêng. Công tác tham vấn về giá trong quá trình thông quan hiện nay cũng không mang lại hiệu quả cao với tỷ lệ bác bỏ sau khi tham vấn từ 10%- 12% trên tổng số các lô hàng tham vấn còn lại, đa số là chấp nhận trị giá khai báo đã gây thất thu lớn cho ngân sách, làm giảm hiệu quả kiểm tra về trị giá đang là một vấn đề thách thức cho công tác KTSTQ.

Kết luận chương 2

Tóm lại, chương 2 đã nêu lên được bối cảnh của công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan giai đoạn 2013- 2017 bằng cách đánh giá toàn

diện thực trạng của KTSTQ về TGHQ tại Chi cục. Với những số liệu qua khảo sát, thống kê từ Chi cục đảm bảo đưa đến cái nhìn toàn diện về bức tranh KTSTQ về TGHQ. Qua đó, rút ra được những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong lĩnh vực này; để làm cơ sở đề xuất các giải pháp, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để phát triển công tác KTSTQ về TGHQ đáp ứng yêu cầu theo phương pháp quản lý hiện đại.

KTSTQ về TGHQ là một lĩnh vực còn non trẻ, và đang gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện. Trong bối cảnh và yêu cầu của việc phát triển ngành Hải quan theo hướng hiện đại hóa thì việc tìm ra các giải pháp để khắc phục những khó khăn, nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực KTSTQ về TGHQ là việc làm rất cần thiết.

CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG

3.1 Phương hướng thực hiện kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng

3.1.1 Các cam kết quốc tế ảnh hưởng đến công tác KTSTQ về TGHQ

Năm 2018, Việt nam sẽ tiếp tục tham gia ký kết và thực hiện rất nhiều các hiệp định thương mại quốc tế, sẽ tạo áp lực, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro gian lận thương mại.

- Theo cam kết WTO, Việt Nam thực hiện cam kết cắt giảm thuế NK ưu đãi (MFN) theo lộ trình giảm đều hàng năm từ năm 2007 đến năm 2019 (áp dụng từ ngày 01/01 hàng năm). Theo đó, từ 01/01/2018 trở đi ô tô chở người dưới 9 chỗ thuộc nhóm 87.03 phải cắt giảm thuế suất (ô tô là một trong những mặt hàng thu thuế chủ lực).

- Trong giai đoạn 2018-2025, phần lớn các Hiệp định thương mại sẽ bước sang giai đoạn cắt giảm sâu và đạt đến mức độ xóa bỏ thuế quan (giảm thuế suất nhập khẩu về 0%) như Hiệp định ATIGA sẽ có 98,26% số dòng thuế về 0% vào năm 2018; ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) sẽ có 90% số dòng thuế về 0% vào năm 2018; ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) sẽ có 86% số dòng thuế về 0% vào năm 2018; ASEAN-Úc và Niu Di lân (AANZFTA) xóa bỏ thuế quan đối với 86% dòng thuế vào năm 2018 (đạt 92% số dòng thuế về 0% vào năm 2022); ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) sẽ có 71% số dòng thuế về 0% vào năm 2018 (và 9% số dòng thuế vào 2021); Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA) sẽ có 41,78% dòng thuế về 0% vào năm 2018 (có 90,64% số dòng thuế về 0% vào năm cuối lộ trình là năm 2026) và Asean – Nhật Bản (AJFTA) sẽ có 62,2% số dòng thuế về 0% vào năm 2018 (tăng lên 88,6% số dòng thuế về 0% vào năm 2025).

- Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư sửa đổi, bổ sung TT 38/2015/TT-BTC sẽ được ban hành;

- Một số Đề án của TCHQ cũng sẽ tác động đến công tác KTSTQ như: Đề án Giải pháp công nghệ để quản lý hàng GC, SXXK; Đề án sửa đổi, bổ sung TT 72/2015/TT-BTC về DNUT; Đề án sửa đổi quy trình nghiệp vụ KTSTQ; Đề án nâng cấp STQ01...

- Thực hiện công văn số 905/TCHQ-TXNK ngày 17/2/2017 của Tổng cục Hải quan v/v thực hiện chuyên 09 nhóm hàng chính có kim ngạch, trị giá lớn, thuế suất cao, số thuế lớn (ô tô các loại; xe máy; rượu, bia; thịt, cá đông lạnh; thiết bị điện gia dụng;) phải thực hiện tham vấn trong thông quan, công tác KTSTQ về trị giá sẽ chủ yếu theo các chuyên đề lớn trọng tâm trọng điểm 5 năm tại trụ sở CQHQ và trụ sở NKHQ.

3.1.2. Phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn tới

- Tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương pháp làm việc tránh gây phiền hà cho Doanh nghiệp; Tăng cường áp dụng CNTT hỗ trợ cho công chức trong thực hiện nhiệm vụ (Chi cục đã thành lập Tổ xây dựng phần mềm quản lý chung, hiện đang nghiên cứu triển khai xây dựng để áp dụng từ đầu năm 2018).

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ nhất là công tác lựa chọn bồi dưỡng cán bộ nòng cốt để đảm nhận vai trò trưởng đoàn kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp.

- Giao cho các Đội công tác xây dựng các chuyên đề mới phù hợp với lĩnh vực quản lý để tiến hành kiểm tra có hiệu quả, nghiên cứu mở rộng công tác kiểm tra sang các lĩnh vực mới.

- Tăng cường công tác tham mưu, phối hợp, hỗ trợ cho các Chi cục trong công tác chỉ đạo nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan tại các Chi cục đạt hiệu quả. Tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo nghiệp vụ từ các phòng ban chức năng của Cục Kiểm tra sau thông quan.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị trong Cục như: Phòng Quản lý rủi ro, Đội Kiểm soát hải quan, Chi cục KTSTQ và các Chi cục hải quan để chia sẻ thông tin, phối hợp xử lý và hỗ trợ thông tin.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, đảm bảo an toàn nội bộ; Nghiêm túc triển khai có hiệu quả chỉ đạo của Cục trưởng tại công văn số 7992/HQHP-KTSTQ ngày 3/7/2017 về nâng cao hiệu quả KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan đảm bảo cân bằng giữa yêu cầu quản lý và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN.

3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra sau thông quan về giá trị Hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng

3.2.1. Tăng cường mạnh mẽ về chất lượng cán bộ KTSTQ, đặc biệt là cán bộ KTSTQ về trị giá hải quan

Kiểm tra sau thông quan nói chung, kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan nói riêng là nhiệm vụ trọng tâm của Cục hải quan Hải Phòng. Để đảm bảo tỷ lệ tổng số người làm công tác KTSTQ kiểm tra trên tổng số tờ khai xuất, nhập khẩu và tổng số doanh nghiệp xuất, nhập khẩu tăng theo từng năm và để đảm bảo chu kỳ khoảng 5 năm phải kiểm tra được 01 (một) lần đối với 1 (một) doanh nghiệp, cần tăng cường về chất lượng cán bộ, đồng thời chuyên môn hóa cho lực lượng KTSTQ về TGHQ theo cách sau:

Đối với biên chế từ nguồn tuyển dụng mới : Cần nâng tỷ lệ tuyển dụng công chức tốt nghiệp đại học chính quy chuyên ngành kinh tế: Tài chính, Kế toán, kiểm toán, ngân hàng, ngoại thương; chuyên ngành kỹ thuật: công nghệ thông tin, công nghệ lắp ráp, tự động,... Đáp ứng yêu cầu điều kiện đã qua đào tạo về nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, nghiệp vụ ngoại thương. Bên cạnh đó cần đáp ứng trình độ về ngoại ngữ, tin học nhất định để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu công việc trong thời kỳ hội nhập.

Cần bố trí cán bộ lãnh đạo, cán bộ làm công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan đúng chuyên môn, được đào tạo, có trình độ kiến thức về kinh

tế, tài chính kế toán và ngoại thương để có khả năng xử lý tốt nghiệp vụ chuyên môn. Đối với vị trí lãnh đạo cần đưa vào quy hoạch chức danh lãnh đạo và xem xét bổ nhiệm những cán bộ có năng lực làm việc tốt, tạo môi trường làm việc cho cán bộ KTSTQ an tâm công tác, phục vụ lâu dài.

- Về chế độ luân chuyển:

Do đặc thù của công tác KTSTQ về trị giá hải quan cần có tính chuyên sâu trong nghiệp vụ nên để đảm bảo chất lượng của công tác KTSTQ về trị giá, cần có kế hoạch rõ ràng, hiệu quả, mang tính kế thừa trong quá trình luân chuyển cán bộ phù hợp với yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn tránh lãng phí trong đào tạo đối với những cán bộ đã có kinh nghiệm lâu năm nhưng lại chuyển sang làm công việc khác. Cần xây dựng riêng quy chế luân chuyển cán bộ kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan riêng, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Chỉ luân chuyển vị trí làm việc, không luân chuyển công việc có chuyên môn sâu.

+ Việc luân chuyển cán bộ phải đảm bảo tính kế thừa, không làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến công việc chuyên môn. Tránh tình trạng luân chuyển hết số cán bộ KTSTQ ngay một lần sẽ dẫn đến khó khăn cho những người mới được chuyển tới.

+ Cán bộ đang làm công tác KTSTQ về trị giá nên được ổn định nơi công tác trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Cán bộ kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan sẽ được luân chuyển sang bộ phận nghiệp vụ khác trong quy trình nghiệp vụ hải quan và thời gian trở lại làm công tác KTSTQ về trị giá hải quan có thể là 01 năm.

- Về công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ:

Cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đào tạo lực lượng KTSTQ về trị giá hải quan theo hướng chuyên nghiệp, chuyên sâu:

Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ KTSTQ, bao gồm đào tạo các kiến thức cơ bản cho toàn lực lượng, đào tạo chuyên sâu cho một bộ phận để làm nòng cốt

trong hoạt động nghiệp vụ và đào tạo chuyên gia, giảng viên để đào tạo lại cho các cán bộ ở các bộ phận khác của đơn vị.

+ Nội dung đào tạo cơ bản gồm các kiến thức về kế toán, thương mại, thanh toán, điều tra, thanh tra thuế, nghiệp vụ KTSTQ, tin học, ngoại ngữ.

+ Nội dung đào tạo chuyên sâu, đào tạo chuyên gia gồm các kiến thức chuyên sâu như trên nhưng ở trình độ cao và các nghiệp vụ khác như kiểm toán, giám định tài liệu, công nghệ thông tin, kỹ năng tham vấn...

Việc đào tạo và tự đào tạo cán bộ kiểm tra sau thông quan về trị giá Hải quan theo kế hoạch đào tạo của Tổng cục, học tập, cập nhật những thay đổi thường xuyên về chính sách, chế độ. Nội dung đào tạo cơ bản gồm các kiến thức về kế toán, thương mại, thanh toán, điều tra, thanh tra thuế, nghiệp vụ KTSTQ, tin học, ngoại ngữ. Nghiên cứu phương pháp và kinh nghiệm KTSTQ về TGHQ của các nước trong khu vực cũng như trên thế giới để đáp ứng được những yêu cầu về kiểm tra, phát hiện những gian lận thương mại trong quá trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, đặc biệt là kinh nghiệm về chống chuyển giá.

+ Chương trình đào tạo: Việc đào tạo cần được tiến hành một cách hợp lý, thực dụng. Có hai hình thức đào tạo:

* Đào tạo ngay tại nơi làm việc (người phụ trách nhóm, đội, đơn vị ... trực tiếp hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên dưới quyền). Hình thức đào tạo “cầm tay chỉ việc” sẽ đạt hiệu quả cao và tiết kiệm được chi phí (chỉ áp dụng cho công chức Hải quan).

* Đào tạo tập trung: Hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền bá kiến thức được tiến hành tại một cơ sở đào tạo hoặc địa điểm đào tạo do nhà tổ chức đào tạo chỉ định. Đối với loại hình này khi tổ chức các khoá đào tạo cần chú ý các nội dung sau:

Phải tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo để tìm ra nội dung kiến thức thích hợp cho từng khoá đào tạo.

Xây dựng kế hoạch đào tạo (đào tạo cho ai? tại đâu? thời gian mỗi khoá? giảng viên? kinh phí...)

Đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi khoá đào tạo.

Trong quá trình đào tạo, cần chú trọng đào tạo theo những chuyên đề, chuyên sâu cụ thể:

Chuyên đề về các hình thức chống gian lận thương mại phổ biến qua giá trong giai đoạn hiện nay, dấu hiệu nhận biết các hình thức này và biện pháp phòng, chống.

Chuyên đề về kiểm tra trị giá khai báo của doanh nghiệp và các kinh nghiệm phát hiện gian lận và tham vấn trong kiểm tra trị giá bao gồm : Kiểm tra hồ sơ hải quan, tài liệu khai báo và kiểm tra tờ khai trị giá khai báo.

Chuyên đề về tham vấn bao gồm : Chuẩn bị tham vấn; cách thức tham vấn; nội dung tham vấn; hình thức tham vấn; biên bản tham vấn; kết luận sau tham vấn .

Chuyên đề về các phương pháp xác định trị giá sau thông quan, trình tự áp dụng các phương pháp; nguồn thông tin sử dụng để xác định lại giá, cách thức xác định lại giá.

Chuyên đề về hệ thống thông tin dữ liệu bao gồm nguồn và cách thức thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu về giá tính thuế...

Ngoài các hình thức đào tạo như nói trên, việc phổ biến kiến thức còn có thể thực hiện thông qua hình thức hội thảo, soạn tờ rơi, cẩm nang tra cứu, sổ tay trị giá hải quan...

3.2.2. Có kế hoạch nâng cấp, kiện toàn hệ thống thông tin dữ liệu về trị giá hải quan để hỗ trợ kịp thời cho việc thực hiện quy trình KTSTQ về TGHQ

Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về trị giá hải quan, cùng với việc áp dụng phương pháp quản lý rủi ro, được xem là một trong những tiêu chuẩn căn bản để thực thi quy trình KTSTQ về TGHQ một cách khả dụng và đạt hiệu quả cao. Quản lý hệ thống thông tin dữ liệu về

TGHQ là các phương pháp được sử dụng để thu thập, phân loại, xử lý các thông tin về đối tượng kiểm tra tiềm năng. Thực hiện tốt việc quản lý dữ liệu thông tin về TGHQ sẽ trợ giúp tốt cho kiểm tra viên hải quan KTSTQ về TGHQ lựa chọn được đối tượng kiểm tra thích hợp và tạo thuận lợi cho công tác chuẩn bị KTSTQ về TGHQ nhằm giúp chỉ ra những vi phạm có thể, ngay trước khi tiến hành KTSTQ về TGHQ. Việc quản lý dữ liệu thông tin TGHQ bằng máy tính là có hiệu quả nhất.

Tuy nhiên, đối với những đơn vị hải quan chưa có hoặc chưa đầy đủ hệ thống cơ sở dữ liệu được quản lý bằng máy tính thì cần thiết lập cơ chế quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin bằng giấy tờ trước khi áp dụng hệ thống quản lý bằng máy tính. Xử lý thông tin bằng máy tính sẽ không thể đạt hiệu quả cao nếu không được dựa trên một cơ chế nền tảng như vậy.

Có thể thấy rằng, có được một hệ thống thông tin dữ liệu về trị giá đầy đủ, kịp thời và cập nhật sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện KTSTQ về TGHQ, từ đó góp phần chống gian lận thương mại qua giá. Muốn vậy, cần có một kế hoạch và quy trình nâng cấp và kiện toàn hệ thống thông tin dữ liệu về TGHQ.

Xây dựng đề cương dữ liệu thông tin về trị giá và quy trình thu thập, tập hợp, cập nhật các dữ liệu thông tin về trị giá hải quan.

Trước mắt, cần xác định rõ các nguồn thông tin cần có từ trong Ngành và ngoài Ngành hải quan để giúp hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu. Trên cơ sở đó, bổ sung từ nhiều nguồn thông tin khác nhau như trong nội bộ Ngành hải quan, thông tin từ các bộ ngành, đơn vị, thông tin thu thập từ Internet; kiểm tra giá của hàng hoá trên thị trường quốc tế; trị giá giao dịch ở cửa khẩu cũng được truyền về Tổng cục Hải quan và thông tin cung cấp bởi các tùy viên hải quan ở nước ngoài....Cụ thể:

Trong nội bộ: Các nguồn thông tin được lấy từ các hồ sơ hải quan, trong đó đặc biệt chú ý các tờ khai về trị giá hải quan, các biên bản, các quyết

định xử lý qua công tác kiểm tra sau thông quan, kể cả phức tạp tờ khai hải quan, các báo cáo kết quả thanh tra tại doanh nghiệp, báo cáo kết quả kiểm toán tại doanh nghiệp.

Ngoài ngành: Chú ý các thông tin từ các báo cáo kiểm toán, các báo cáo kiểm tra, thanh tra, các báo cáo quyết toán thuế...

Ngoài ra, thông tin còn cập nhật từ các nguồn tài liệu thông qua các cuộc hội thảo, báo chí, các báo cáo công tác của Ngành có liên quan đến KTSTQ về TGHQ, giá chào bán trên Internet...

Cần khẩn trương xây dựng các bài toán kiểm tra tính xác xuất của kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan thông qua việc ứng dụng phần mềm máy tính. Cục KTSTQ cần xây dựng các tiêu chí quản lý riêng để máy tính có thể so sánh ngẫu nhiên các kết quả thông quan các lô hàng của doanh nghiệp kinh doanh cùng mặt hàng với nhau, giữa các lô hàng của cùng một doanh nghiệp... So sánh trên máy tính các báo cáo tài chính của doanh nghiệp dựa trên phương pháp mô hình toán học để tìm ra nhanh nhất dấu hiệu vi phạm.

Nâng cao chất lượng thông tin dữ liệu giá trên cơ sở tập trung hoàn thiện và nâng cao kỹ năng của cán bộ nhập dữ liệu máy tính đảm bảo các yếu tố thông tin của hàng hoá nhập máy từ nguồn tờ khai hàng hoá nhập khẩu, tờ khai trị giá đầy đủ, chi tiết, có thể so sánh được giữa các loại trị giá hàng hoá với nhau theo đúng nội dung yêu cầu quản lý. Đồng thời tổ chức được hệ thống thông tin hỗ trợ kịp thời như giá chào bán trên Internet, giá bán thị trường, giá do nhà xuất khẩu cung cấp, giá do các cơ quan quản lý, thẩm định giá cung cấp,... để sửa đổi, bổ sung thường xuyên, xây dựng Danh mục dữ liệu giá đã được in ra giấy và Bổ sung dữ liệu giá từ các nguồn khác trên chương trình dữ liệu giá điện tử. Hoàn thiện được quy trình truy cập, khai thác các thông tin này, đảm bảo tính chính xác và thống nhất trong khai thác và sử dụng các nguồn thông tin giá khác nhau.

Cập nhật thường xuyên các dữ liệu thông tin trị giá hải quan tiêu chí cụ thể để phân loại, đánh giá được mức độ tin cậy của các nguồn thông tin theo mức độ rủi ro. Cụ thể, đó là các nguồn thông tin theo các tiêu chí về doanh nghiệp, tiêu chí về nhóm hàng, mặt hàng nhập khẩu, tiêu chí về thị trường xuất khẩu và tiêu chí về mức giá khai báo.

Nâng cao chất lượng thông tin dữ liệu giá trên cơ sở tập trung hoàn thiện và nâng cao kỹ năng của cán bộ nhập dữ liệu máy tính đảm bảo các yếu tố thông tin của hàng hoá nhập máy từ nguồn tờ khai hàng hoá nhập khẩu, tờ khai trị giá đầy đủ, chi tiết, có thể so sánh được giữa các loại trị giá của các loại hàng hoá với nhau theo đúng nội dung yêu cầu quản lý. Quy định mang tính bắt buộc và đặt thành chỉ tiêu đối với từng cán bộ ở từng bộ phận KTSTQ về TGHQ. Việc thu thập dữ liệu thông tin trị giá theo định kỳ, từng tháng, quý để cung cấp về trung tâm tổng hợp nhập vào hệ thống. Luôn có sự kiểm tra để thưởng phạt nghiêm minh, tránh tình trạng cán bộ tùy tiện hoặc lơ là trong việc thu thập, cung cấp thông tin dữ liệu về trị giá. Chỉ có như vậy mới mong có được hệ thống dữ liệu trị giá dữ liệu trị giá hải quan phong phú và đa dạng, phục vụ cho công tác KTSTQ về TGHQ đạt hiệu quả

3.2.3. Tăng cường phối hợp công tác giữa lực lượng KTSTQ về TGHQ với các lực lượng trong và ngoài Ngành Hải quan

a) Tăng cường hợp tác phối kết hợp KTSTQ về TGHQ với các lực lượng trong nội bộ Ngành Hải quan.

Kiểm tra sau thông quan về TGHQ là một nghiệp vụ quan trọng không tách rời với các nghiệp vụ liên quan khác như: kiểm tra trước thông quan, kiểm tra trong thông quan, phức tập hồ sơ hải quan, quản lý dữ liệu thông tin về trị giá, điều tra chống buôn lậu... cho nên phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên trong quá trình thực hiện.

Xuất phát từ những hạn chế trong cơ chế phối kết hợp trong KTSTQ về TGHQ ở Việt Nam thời gian qua, cơ chế phối kết hợp trong KTSTQ về TGHQ trong nội bộ Ngành cần được hoàn thiện theo những chú ý sau đây:

+ Xây dựng quy trình phối kết hợp trong việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị thuộc Tổng cục hải quan. Trong đó, lưu ý tổ chức tập huấn đào tạo trao đổi nghiệp vụ, phối kết hợp với các đơn vị trong Tổng Cục có liên quan phục vụ KTSTQ về trị giá hải quan. Cần xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng kiểm tra trị giá tại khâu trong thông quan và khâu sau thông quan do đây là mối quan hệ phối hợp khép kín trong toàn bộ quy trình quản lý giá tính thuế từ khâu trong thông quan đến khâu sau thông quan nhằm mục tiêu kiểm soát được trị giá khai báo, ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại.

+ Phối hợp với Cục công nghệ thông tin và các đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu thông tin thuộc Tổng Cục để đảm bảo khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu hiện có tại Tổng Cục phục vụ việc cung cấp thông tin cho lực lượng KTSTQ, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các đối tượng được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt ASEAN, ACFTA, AKFTA..

+ Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và thống kê Nhà nước về hải quan để hoàn thiện xây dựng phần mềm “quản lý danh bạ doanh nghiệp trên máy tính” nhằm mục đích: Phân loại doanh nghiệp trên toàn quốc theo nhóm, phân loại mặt hàng trọng điểm, cung cấp thông tin và lựa chọn doanh nghiệp cho việc xác định đối tượng KTSTQ theo kế hoạch.

+ Phối hợp với Ban quản lý rủi ro hoàn thiện tiêu chí phục vụ công tác quản lý rủi ro trong KTSTQ.

b) Tăng cường hợp tác phối kết hợp KTSTQ về TGHQ với các lực lượng ngoài Ngành Hải quan.

Thứ nhất: Hợp tác với các Bộ, Ngành liên quan.

Thực tế công tác KTSTQ về TGHQ cho thấy vẫn chưa có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan trong việc xác minh tính trung thực của trị giá khai báo hàng nhập khẩu. Để công tác KTSTQ về TGHQ hiệu quả hơn, cần tập trung thực hiện một số biện pháp sau:

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế phối hợp giữa lực lượng KTSTQ với các cơ quan trong Bộ Tài Chính như Cục quản lý giá, Tổng cục Thuế:

+ Phối hợp với Tổng Cục thuế, Cục quản lý giá đưa ra các chế tài trong việc đấu tranh chống gian lận qua giá, bao gồm cả chuyển giá. Cần quy định những chế tài nghiêm khắc để xác định lại giá trong trường hợp chuyển giá.

- Nghiên cứu xây dựng các Quy chế phối hợp giữa lực lượng KTSTQ với các cơ quan trong ngoài Bộ như Ngân hàng, Kiểm toán, kho bạc, công an..vv.. Sự phối hợp này sẽ tránh được sự chồng chéo trong kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà Nước cũng như tạo ra cơ sở pháp lý thuận lợi trong quá trình thu thập và xử lý thông tin về đối tượng chịu KTSTQ về trị giá hải quan được chính xác, đem lại hiệu quả cao.

+ Phối hợp với Ngân hàng để đưa ra các quy chế trong việc quản lý chặt chẽ thanh toán qua ngân hàng của các doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Nghiên cứu để đưa tiêu chí trên tờ khai điện tử yêu cầu doanh nghiệp xuất nhập khẩu có thể kê khai các tài khoản được dùng để thanh toán cho lô hàng và chế tài trách nhiệm khi cơ quan Hải quan phát hiện có sai sót.

+ Phối hợp với Tổng Kiểm toán Nhà Nước và Kiểm toán hải quan các nước để xây dựng Bộ chuẩn mực Kiểm toán hải quan để từ đó giúp cho công chức hải quan có định hướng rõ ràng hơn trong quá trình KTSTQ về trị giá hải quan như: phương pháp kiểm tra và xử lý kết quả KTSTQ .

- Tiến đến, trình Bộ Tài chính ban hành quy chế phối kết hợp trong công tác trao đổi, cung cấp thông tin các Luật, Nghị định và các văn bản hướng dẫn giữa các đơn vị trong và ngoài Ngành.

Thứ hai, hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp:

Hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp đã hiểu và nắm rõ quyền và nghĩa vụ của mình thực hiện đúng các phương pháp xác định trị giá, quy trình KTSTQ theo quy định của các văn bản pháp quy. Trong các cuộc KTSTQ về trị giá, các doanh nghiệp cũng đã tích cực hợp tác với cơ quan Hải quan trong việc cung cấp tài liệu, số liệu trong xác định trị giá nhằm bảo vệ quyền lợi của chính họ. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp chưa am hiểu các phương pháp xác định giá tính thuế, hoặc ý thức chấp hành pháp luật chưa cao hoặc còn một bộ phận lớn doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của chính sách áp giá để khai báo trị giá thấp nhằm trốn thuế.

Xét trên khía cạnh tuân thủ pháp luật, có hai nguyên nhân khiến doanh nghiệp không tuân thủ là do không hiểu biết đầy đủ và cố tình tìm cách tận dụng các khe hở của pháp luật để gian lận.

Do vậy, cần:

+ Tăng cường hơn nữa công tác hướng dẫn, công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến Hiệp định Trị giá hải quan GATT/WTO đến doanh nghiệp bằng nhiều phương pháp khác nhau trong đó cần ưu tiên sớm xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan báo chí (kênh Invest TV - Đài truyền hình VN, Truyền hình VTC, Thời báo Tài chính, Báo Hải quan...) để công tác tuyên truyền, phổ biến đào tạo được hiệu quả;

+ Xây dựng các tiêu chí để cùng doanh nghiệp đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác. Hệ thống tiêu chí chủ yếu bao gồm nguyên tắc hợp tác; cách thức hợp tác; các yêu cầu với doanh nghiệp (chủ yếu là minh bạch hóa với cơ quan hải quan về hoạt động xuất nhập khẩu, cung cấp định kỳ cho cơ quan các số liệu về xuất nhập khẩu, về thuế); các lợi ích doanh nghiệp được hưởng như chưa đưa vào diện KTSTQ, khi phát hiện sai sót thì chủ yếu cho doanh nghiệp tự giải trình, khắc phục. Đây cũng là một hình thức phân loại trước để tập trung nguồn lực cho kiểm tra các đối tượng khác. Trong quá trình thực

hiện cần chú ý đến việc tuyên truyền cũng như kịp thời giải đáp những vướng mắc phát sinh trong cộng đồng doanh nghiệp.

+ Đối với các doanh nghiệp có tình hình không tuân thủ thì cần có những biện pháp mạnh như: Công khai các doanh nghiệp có hành vi gian lận thương mại đã bị cơ quan hải quan phát hiện trên Website của hải quan, trên báo Hải quan; Đẩy mạnh KTSTQ về trị giá hải quan tại trụ sở doanh nghiệp thường xuyên vi phạm, từ đó hạn chế được gian lận từ xa, tăng ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp; thắt chặt các quy định trong việc thành lập và giải thể doanh nghiệp ...

+ Đẩy mạnh tuyên truyền cho các doanh nghiệp thông qua các hình thức như tổ chức các hội nghị đối thoại, tập huấn chính sách thuế mới nhằm tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu lực quản lý thuế

Bên cạnh đó, kiểm tra, rà soát số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để phát hiện kịp thời các trường hợp thực tế có kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế để đưa vào diện quản lý. Giám sát và nắm bắt kịp thời số doanh nghiệp tạm nghỉ kinh doanh, số doanh nghiệp ngừng hoạt động (bỏ trốn, giải thể, phá sản), doanh nghiệp đang hoạt động...

Thứ ba: Tăng cường hợp tác quốc tế.

Thường xuyên phối hợp giữa cơ quan Hải quan Việt Nam với cơ quan Hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới sẽ là cơ hội tốt hơn để học hỏi kinh nghiệm KTSTQ về TGHQ của hải quan các nước cũng như sự tranh thủ những trợ giúp kỹ thuật từ phía các cơ quan hải quan các nước trong quá trình hoàn thiện hệ thống kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan ở Việt Nam trên tinh thần:

- Thực hiện hợp tác quốc tế trên tinh thần cởi mở, bình đẳng mà vẫn đảm bảo nhiệm vụ chính trị được giao theo đúng chủ trương “ Việt Nam muốn

làm bạn với tất cả các nước”. Hải quan Việt Nam cần tiếp tục đưa nội dung hợp tác về KTSTQ về TGHQ trong các Hiệp định hợp tác hỗ trợ trong công tác Hải quan mà Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục ký kết với nhiều tổ chức quốc tế trong tương lai.

- Tham khảo kinh nghiệm của các nước trong đấu tranh chống gian lận về giá khi áp dụng Hiệp định trị giá GATT thông qua các cuộc họp thường niên của Ủy ban kỹ thuật về xác định trị giá hải quan.

- Chủ động tăng cường hợp tác quốc tế, tiến hành thực tế khảo sát một số mô hình KTSTQ về TGHQ của một số nước tiên tiến trên thế giới như Nhật Bản, Mỹ, Pháp... nhằm trao đổi thông tin và kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ về đào tạo nhân lực cho các cán bộ làm công tác KTSTQ về TGHQ. Công việc này cần tiến hành song song với các hoạt động nghiệp vụ khác trong quá trình hoạt động của KTSTQ về TGHQ.

- Hiện nay cơ chế xác minh từ thông tin về trị giá lô hàng nhập khẩu đạt hiệu quả rất thấp. Để công tác KTSTQ về TGHQ có kết quả cần xây dựng cơ chế phối hợp với hải quan các nước thông qua việc ký các Hiệp định cung cấp thông tin giữa hải quan các nước. Khi Hải quan Việt Nam cần xác minh thông tin về trị giá của một lô hàng nhập khẩu thì đề nghị hải quan nước bạn phối hợp xác minh giá của lô hàng đó ghi trên tờ khai xuất khẩu tại nước xuất khẩu vì thông thường hàng hoá xuất khẩu thường được hoàn thuế nên trị giá khai báo trên tờ khai xuất khẩu sẽ phản ánh đúng giá thực tế của hàng hoá. Ngược lại, khi hải quan nước bạn đề nghị xác minh trị giá hải quan cho lô hàng nhất định, Việt Nam sẽ tìm kiếm trị giá trên tờ khai xuất khẩu tại Việt Nam để cung cấp. Để việc hợp tác đem lại hiệu quả, trước mắt tập trung vào những nước, những vùng lãnh thổ có hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam với kim ngạch lớn, có khả năng xảy ra gian lận thương mại cao (ví dụ: Hàng hoá nhập khẩu từ các nước Asean, Trung Quốc, Đài Loan,...) .

- Đẩy mạnh hoạt động của các tùy viên hải quan ở các nước. Hoạt động này cần những chính sách và kinh phí phù hợp, khắc phục những tồn tại không hiệu quả trong thời gian trước đây.

- Xây dựng cơ chế mua tin qua các tổ chức thẩm định trị giá trung lập như: SGS,... để xác minh trị giá khai báo của một số trường hợp đặc biệt, cần củng cố thông tin để có kết luận cụ thể trong quá trình kiểm tra, tham vấn. Việc xây dựng cơ chế mua tin nhằm chủ động xác minh các nguồn thông tin có liên quan đến trị giá, ngăn chặn gian lận thương mại từ xa, rút ngắn thời gian kiểm tra, kiểm soát hàng hoá khi về đến Việt Nam, phù hợp với tiến trình hội nhập, cải cách và hiện đại hoá của Ngành Hải quan.

Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và trong khu vực về việc cử đại diện hải quan ở nước ngoài, nhất là tại các nước hoặc khối nước có mối quan hệ thương mại lớn với Việt Nam là rất quan trọng và cần thiết, vừa giúp cho Hải quan nắm vững các thủ tục hải quan của các nước, cập nhật những nội dung mới phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định trị giá GATT từ các nước thành viên và bổ sung nguồn thông tin trong quá trình kiểm tra trị giá, tham vấn và xác định giá..vv, vừa nắm được thông tin doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ thương mại với Việt Nam.

3.2.4. Tăng cường hiệu quả tham vấn giá trong KTSTQ về TGHQ

Trong thực tế ở Việt Nam hiện nay, tham vấn về trị giá được chỉ được chú trọng trong khâu thông quan của quá trình làm thủ tục hải quan và hiệu quả tham vấn không cao. Theo mô hình chung của các nước phát triển thì bộ phận KTSTQ là đơn vị phụ trách về kiểm tra tính chính xác, trung thực của trị giá khai báo, và tiến hành tham vấn khi có nghi ngờ về trị giá khai báo. Vì vậy, một trong những giải pháp hỗ trợ công tác KTSTQ về trị giá hải quan là phải tăng cường hiệu quả công tác tham vấn trị giá hải quan. Cần tiến hành các giải pháp như:

- Minh bạch hóa các văn bản pháp quy về xác định trị giá hải quan. Tính minh bạch của văn bản pháp quy được thể hiện ở hai phương diện là khả năng áp dụng trực tiếp điều khoản quy định vào thực tế và tính liên thông giữa các văn bản pháp luật có liên quan. Do vậy, đối với hệ thống văn bản pháp luật và văn bản dưới luật cần được giảm thiểu số lượng văn bản hướng dẫn, tiến đến khả năng trực tiếp áp dụng điều luật vào thực xác định trị giá. Bộ Tài Chính và Tổng Cục Hải quan cần tổ chức rà soát lại toàn bộ hệ thống văn bản liên quan đến xác định trị giá hải quan để thực hiện chỉnh sửa, bổ sung phù hợp.

- Xây dựng quy trình tham vấn trị giá hải quan theo hướng hiện đại hóa bằng cách phân định rạch ròi giữa hai loại hình là tham vấn để xác định trị giá hải quan (tư vấn) và tham vấn để kiểm tra trị giá hải quan (kiểm tra sau thông quan). Mô hình tách hai hoạt động xác định và kiểm tra sẽ giúp bộ phận hải quan chuyên trách từng khâu nghiệp vụ có thể tập trung nguồn lực của mình để nâng cao hiệu quả công việc. Trong đó, cần đề cao vai trò quan trọng, quy định trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ trong quá trình tham vấn để kiểm tra trị giá hải quan, bởi vì trong khi áp lực hàng hóa thông quan ngày càng nhanh hơn, công chức hải quan trong khâu thông quan không thể đủ thời gian và cũng không đủ thông tin để kiểm tra hay tham vấn một cách bài bản, chi tiết mà khâu KTSTQ sẽ có nhiều thời gian để tập trung kiểm tra, tập trung kiểm chứng và chọn lọc thông tin tốt hơn.

- Cần nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý tham vấn giá. Thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ công chức đặc biệt là xây dựng năng lực cho đội ngũ công chức kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan về nghiệp vụ kiểm định, kỹ năng tham vấn bao gồm: Kiểm tra hồ sơ, tài liệu khai báo và kiểm tra trị giá khai báo, chuẩn bị tham vấn, cách thức tham vấn, nội dung tham vấn, hình thức tham vấn, biên bản tham vấn, kết luận sau tham vấn.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin chung để đảm bảo những người làm nhiệm vụ quản lý giá, tham vấn giá có thể truy cập và sử dụng, khai thác thông tin về hàng hóa, người khai hải quan, chủ hàng, ở mọi khía cạnh cần thiết. Bộ phận kiểm tra sau thông quan các cấp phải được trang bị quyền và khả năng truy cập vào tất cả các nguồn thông tin hợp pháp liên quan đến hoạt động doanh nghiệp; được cung cấp thông tin đầy đủ qua kênh thông tin của cơ sở dữ liệu giá, thông tin quản lý rủi ro, thông tin tình báo hải quan, lưu ý các thông tin này phải được xử lý bằng những công cụ hiện đại, cho phép truy cập nhanh và chính xác.

- Nâng cấp phần mềm về quản lý cơ sở dữ liệu giá theo hướng tích hợp trực tiếp với chương trình quản lý dữ liệu chung của toàn Ngành. Trên thực tế, cơ sở dữ liệu giá hiện nay còn thể hiện hai hạn chế cơ bản là thiếu tính phong phú và biệt lập với hệ thống đa chức năng của Ngành. Để tiến tới áp dụng thông quan điện tử cho hàng hóa xuất, nhập khẩu, cần xây dựng được một hệ thống thông tin chung để đảm bảo người làm nhiệm vụ quản lý giá, tham vấn giá có thể truy cập, sử dụng và khai thác thông tin về hàng hóa, người khai hải quan, chủ hàng... ở mọi khía cạnh cần thiết.

KẾT LUẬN

Kiểm tra sau thông quan là một trong những nội dung trọng tâm của công tác hải quan. Trong kiểm tra sau thông quan thì kiểm tra về trị giá hải quan là chủ yếu và quan trọng nhất. Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan là công cụ quan trọng số một trong việc phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động gian lận thương mại, đặc biệt là chống chuyển giá.

Trong giai đoạn 2013 - 2017, công tác KTSTQ về TGHQ tại Cục Hải quan Hải Phòng đã đạt được một số thành tựu đáng như: (1) tổng số cuộc KTSTQ về trị giá hải quan tăng lên hàng năm; (2) Số thu từ KTSTQ về TGHQ tăng mạnh qua các năm; (3) Công tác KTSTQ về TGHQ đảm bảo thực hiện theo quy trình và đạt hiệu quả bước đầu tương đối tốt, đã đánh giá được việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, góp phần củng cố cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, công tác KTSTQ về TGHQ tại Cục Hải quan Hải phòng cũng gặp một số hạn chế như: (1) Công tác KTSTQ về TGHQ so với yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra đạt được còn thấp cả về số lượng và chất lượng; (2) hạn chế trong việc ngăn chặn gian lận thương mại qua trị giá hải quan; (3) Chưa đóng góp nhiều vào nhiệm vụ đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp tham gia xuất, nhập khẩu.

Nguyên nhân chính của thực trạng này là do: (1) cán bộ KTSTQ về TGHQ chưa đáp ứng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng so với yêu cầu của KTSTQ về TGHQ; (2) bộc lộ nhiều hạn chế ở từng khâu công việc trong quá trình thực hiện quy trình kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan; (3) Cơ chế phối kết hợp trong quá trình KTSTQ về TGHQ ở phạm vi trong và ngoài ngành Hải quan còn chưa tốt; (4) Công tác tham vấn để kiểm tra trị giá hải quan chưa được chú trọng trong công tác KTSTQ về TGHQ.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ về TGHQ, trong thời gian tới Cục Hải quan Hải Phòng cần tập trung vào một số giải pháp như: (1) Tăng cường mạnh mẽ về chất lượng cán bộ KTSTQ, đặc biệt là cán bộ KTSTQ về

trị giá hải quan; (2) Nâng cấp, kiện toàn hệ thống thông tin dữ liệu về trị giá hải quan để hỗ trợ kịp thời cho việc thực hiện quy trình KTSTQ về TGHQ; (3) Phối hợp công tác giữa lực lượng KTSTQ về TGHQ với các lực lượng trong và ngoài Ngành Hải quan; (4) Tăng cường hiệu quả tham vấn giá trong KTSTQ về TGHQ.

Do thời gian và kiến thức có hạn nên luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhưng tác giả hy vọng rằng những đề xuất trên đây sẽ góp phần cải thiện công tác KTSTQ về TGHQ tại Cục Hải quan Hải Phòng. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô cùng bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn khi vận dụng vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính (2015), *thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;
- [2]. Bộ Tài chính (2015), *thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;
- [3]. Bộ Tài chính (2018), *thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;
- [4]. Bộ Tài chính (2018), *Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15 tháng 6 năm 2018 của BTC về Quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan*, Hà Nội;
- [5]. Bộ Thương mại (2000), *Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)- Kết quả vòng đàm phán Uruguay về hệ thống thương mại đa biên* – NXB Thống kê, Hà Nội;
- [6]. Chi cục Kiểm tra sau thông quan Hải Phòng (2016). *Báo cáo thành tích 10 năm KTSTQ; Đề án KTSTQ 2016; Xây dựng kế hoạch công tác 2017; Tổng kết năm 2017 kế hoạch năm 2017*, Hải Phòng.
- [7]. Cục Hải quan TP Hải Phòng (2013, 2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo tổng kết năm*, Hải Phòng.

- [8]. Nguyễn Thị Thanh Hoài (2015), *Thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam trong xu thế hội nhập và tự do hóa thương mại Quốc tế*, Hà Nội;
- [9]. Trương Thế Hùng (2016), *Hoàn thiện cơ chế xác định trị giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Thị Lan Hương (2012), *Kiểm tra trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu*, Hà Nội;
- [11]. Phạm Thị Bích Ngọc (2012), *Các giải pháp chống thất thu thuế Nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế năm*, Hà Nội;
- [12]. Lê Thành Phong (2017), *Nâng cao hiệu quả công tác xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo hiệp định Trị giá Hải quan*, Hà Nội;
- [13]. Quốc hội (2014). *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014*, Hà Nội
- [14]. Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 2344/QĐ-TCHQ ngày 07/08/2015 về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng, cơ sở dữ liệu trị giá Hải quan*, Hà Nội;
- [15]. Tổng cục Hải quan (2015).*Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/05/2015 về việc ban hành Quy trình kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội;
- [16]. Tổng cục Hải quan (2016). *Công văn số 167/TCHQ-TXNK ngày 26/07/2016; 7978/TCHQ-TXNK ngày 17/08/2016 về việc kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan và thực hiện chỉ đạo về công tác trị giá trên hệ thống GTT02*, Hà Nội;
- [17]. Tổng cục Hải quan (2017), *Tài liệu giảng dạy của nhóm làm việc về Kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội;
- [18]. Tổng cục Hải quan (2016), *Tài liệu hội nghị tập huấn công tác KTSTQ các năm 2013 – 2017*, Hà Nội;
- [19]. Tổng cục Hải quan (2006), *Đề án tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội;

[20]. Lê Thị Ánh Tuyết (2016), *Giải pháp nâng cao chất lượng thực thi hiệp định trị giá wto tại Việt Nam*, Hà Nội.